Sổ tay Hướng dẫn Sử dụng

SyncMaster
TS190W
TS220W
TS240W

Màu sắc và hình dáng có thể khác nhau tùy theo sản phẩm và để cải tiến hoạt động, các thông số kỹ thuật có thể sẽ được thay đổi mà không cần thông báo trước.

BN46-00169A-08

Bản quyền

Nội dụng của sách hướng dẫn này có thể thay đổi để cải thiện chất lượng mà không cần thông báo.

© 2011 Samsung Electronics

Samsung Electronics sở hữu bản quyền đối với sách hướng dẫn này.

Cấm sử dụng hoặc sao chép một phần hoặc toàn bộ sách hướng dẫn này mà không có sự ủy quyền của Samsung Electronics.

Các biểu tượng SAMSUNG và SyncMaster là các nhãn hiệu đã đăng ký của Samsung Electronics.

Microsoft, Windows và Windows NT là các nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation.

VESA, DPM và DDC là các nhãn hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standards Association.

Các biểu tượng được sử dụng trong sách hướng dẫn này

	Các hình ảnh sau chỉ để tham khảo. Các tình huống trong thực tế có thể khác với minh họa trong hình ảnh.

Ký hiệu cho các lưu ý an toàn

Cảnh báo	Có thể xảy ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu không tuân theo các hướng dẫn.
Thận trọng	Có thể xảy ra thương tích cá nhân hoặc thiệt hại tài sản nếu không tuân theo các hướng dẫn.
	Các hoạt động được đánh dấu bằng biểu tượng này là bị cấm.
	Phải tuân thủ các hướng dẫn được đánh dấu bằng biểu tượng này.

Làm sạch

Làm sạch

Hãy cẩn thận khi làm sạch vì màn hình và bên ngoài của các LCD tiên tiến dễ bị trầy xước.

Tiến hành các bước sau khi làm sạch.

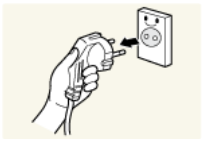

1. Tắt nguồn màn hình và máy tính.
2. Rút cáp nguồn ra khỏi màn hình.

Giữ cáp nguồn ở phích cắm và không chạm vào cáp với tay ướt. Nếu không, có thể xảy ra điện giật.

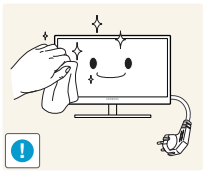

3. Sử dụng miếng vải khô, mềm và sạch để lau chùi màn hình.

- Không bôi chất làm sạch chứa cồn, dung môi hoặc chất có hoạt tính bề mặt vào màn hình.

- Không phun nước hoặc chất làm sạch trực tiếp lên sản phẩm.

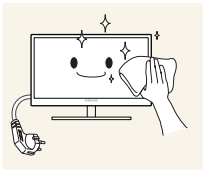

4. Làm ướt miếng vải mềm và khô với nước rồi vắt kỹ để lau bên ngoài màn hình.

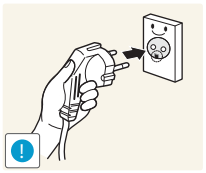

5. Kết nối cáp nguồn với sản phẩm sau khi lau sản phẩm.
6. Bật nguồn màn hình và máy tính.

Bảo đảm không gian lắp đặt

- Đảm bảo là có khoảng cách xung quanh sản phẩm để tạo sự thông thoáng. Sự tăng nhiệt độ theo khoảng cách thời gian có thể gây ra hỏa hoạn và làm hỏng sản phẩm. Hãy chắc chắn là bạn để ra một khoảng không gian như hình vẽ dưới đây hoặc lớn hơn khi lắp đặt sản phẩm.

Bề ngoài có thể khác nhau tùy theo sản phẩm.

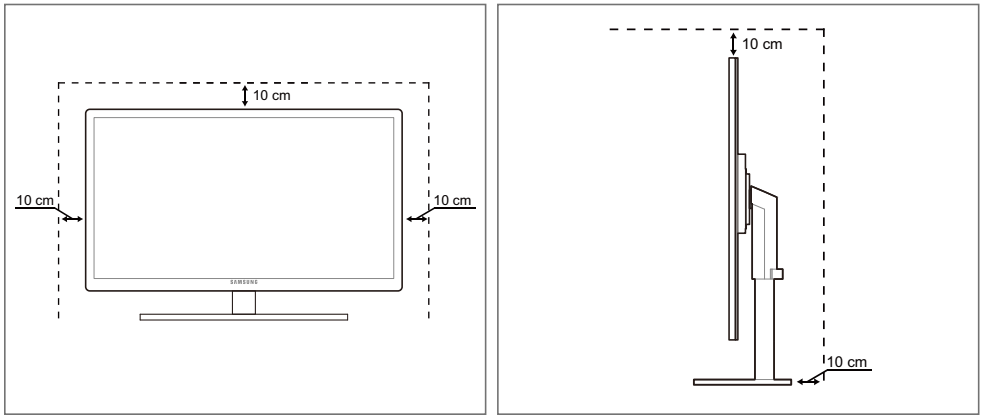

Lưu ý khi cất giữ

Các kiểu máy có độ bóng cao có thể có những vết bẩn màu trắng trên bề mặt nếu máy làm ẩm bằng sóng siêu âm được sử dụng gần đó.

Đảm bảo liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 95) nếu cần làm sạch bên trong màn hình. (phí dịch vụ sẽ được áp dụng)

Các lưu ý về an toàn

Điện và an toàn

Các hình ảnh sau chỉ để tham khảo. Các tình huống trong thực tế có thể khác với minh họa trong hình ảnh.

Cảnh báo

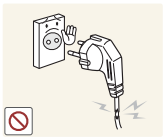

Không sử dụng dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng, hoặc ổ cắm điện bị lỏng.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Không cắm nhiều sản phẩm vào cùng ổ cắm điện.

- Nếu không, ổ cắm có thể bị quá nhiệt và gây ra hỏa hoạn.

Không chạm vào phích cắm nguồn với tay ướt.

- Nếu không, có thể xảy ra điện giật.

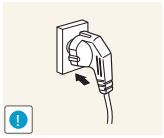

Cắp phích cắm nguồn vào hết cỡ để không bị lỏng.

- Kết nối không ổn định có thể gây ra hỏa hoạn.

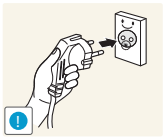

Cắm phích cắm nguồn vào ổ cắm nguồn được tiếp đất (chỉ các thiết bị được cách điện loại 1).

- Có thể xảy ra điện giật hoặc thương tích.

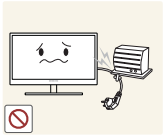

Không bẻ cong hoặc giật mạnh dây nguồn. Không đặt vật nặng lên dây nguồn.

- Dây nguồn bị hỏng có thể gây ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Không đặt dây nguồn hoặc sản phẩm gần các nguồn nhiệt.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

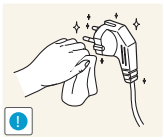

Nếu chân ghim của cáp nguồn hoặc ổ điện bị chất lạ phủ kín (bụi, v.v.), dùng mảnh vải khô lau sạch.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.

Thận trọng

Không rút dây nguồn khi sản phẩm đang được sử dụng.

- Sản phẩm có thể bị hỏng do sốc điện.

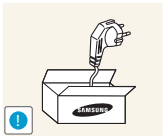

Không sử dụng dây nguồn cho sản phẩm không phải sản phẩm được ủy quyền do Samsung cung cấp.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

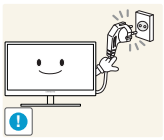

Đảm bảo ổ cắm điện sẽ được sử dụng để cắm dây nguồn không bị cản trở.

- Nếu xảy ra bất kỳ sự cố nào trong sản phẩm, hãy rút cáp nguồn để ngắt hoàn toàn nguồn điện vào sản phẩm.

  Không thể ngắt hoàn toàn nguồn điện vào sản phẩm với nút nguồn.

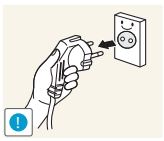

Giữ phích cắm khi rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Cài đặt

Cảnh báo

Không đặt nến, nhang đuổi côn trùng hoặc thuốc lá trên đỉnh sản phẩm.Không lắp đặt sản phẩm gần các nguồn nhiệt.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.

Tránh lắp đặt sản phẩm trong khu vực chật hẹp có thông gió kém, chẳng hạn như giá sách hoặc hốc tường.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong tăng lên.

Giữ túi nhựa đóng gói sản phẩm ở nơi trẻ em không thể với tới được.

- Trẻ em có thể bị ngạt thở.

Trước khi sử dụng sản phẩm

Không lắp đặt sản phẩm trên bề mặt không vững chắc hoặc rung động (giá đỡ không chắc chắn, bề mặt nghiêng, v.v.).

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.
- Sử dụng sản phẩm ở khu vực có độ rung quá mức có thể làm hỏng sản phẩm hoặc gây ra hỏa hoạn.

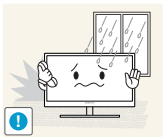

Không lắp đặt sản phẩm trên xe hoặc ở nơi tiếp xúc với bụi, hơi ẩm (nước chảy nhỏ giọt, v.v.), dầu hoặc khói.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

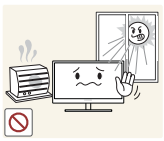

Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, nhiệt hoặc đồ vật nóng như bếp.

- Nếu không, tuổi thọ của sản phẩm có thể bị giảm hoặc có thể xảy ra hỏa hoạn.

Không lắp đặt sản phẩm trong tầm với của trẻ em.

- Sản phẩm có thể bị đổ và làm cho trẻ bị thương.

Dầu ăn, chẳng hạn như dầu đậu nành, có thể làm hỏng hoặc làm biến dạng sản phẩm. Không lắp đặt sản phẩm trong bếp hoặc gần kệ bếp.

Thận trọng

Cẩn thận để không làm rơi sản phẩm khi di chuyển.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.

Không đặt úp mặt trước của sản phẩm xuống.

- Màn hình có thể bị hỏng.

Khi lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc trên giá, đảm bảo rằng cạnh dưới của mặt trước sản phẩm không nhô ra ngoài.

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.
- Chỉ lắp đặt sản phẩm trên tủ hoặc giá đúng kích thước.

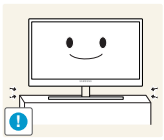

Đặt sản phẩm xuống cẩn thận.

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.

Lắp đặt sản phẩm ở những nơi khác thường (nơi tiếp xúc với nhiều hạt mịn, hóa chất hoặc nhiệt độ quá nóng/lạnh hoặc tại sân bay hay ga tàu mà sản phẩm phải hoạt động liên tục trong thời gian dài) có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu suất của sản phẩm.

- Đảm bảo hỏi ý kiến Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 95) trước khi lắp đặt nếu bạn muốn lắp đặt sản phẩm ở nơi như vậy.

Hoạt động

Cảnh báo

Điện áp cao chạy qua sản phẩm. Không cố tự tháo, sửa chữa hoặc sửa đổi sản phẩm.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.
- Hãy liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 95) để sửa chữa.

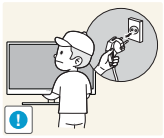

Trước khi di chuyển sản phẩm, hãy tắt công tắc nguồn và rút cáp nguồn cũng như tất cả các cáp được kết nối khác.

- Nếu không, dây nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏa hoạn hoặc điện giật.

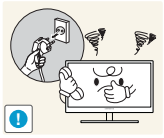

Nếu sản phẩm phát ra tiếng động lạ, mùi khét hoặc khói, hãy rút dây nguồn ngay lập tức và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 95).

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

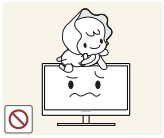

Không để trẻ em đu lên sản phẩm hoặc trèo lên đỉnh sản phẩm.

- Sản phẩm có thể đổ và trẻ có thể bị thương hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Nếu sản phẩm bị đổ hoặc phần bên ngoài bị hỏng, hãy tắt nguồn sản phẩm, rút dây nguồn và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 95).

- Nếu không, có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

Trước khi sử dụng sản phẩm

Không đặt vật nặng, đồ chơi hoặc kẹo lên trên đỉnh sản phẩm.

- Sản phẩm hoặc vật nặng có thể đổ khi trẻ cố gắng với lấy đồ chơi hoặc kẹo, gây ra thương tích nghiêm trọng.

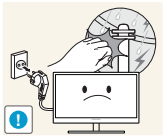

Khi có chớp hoặc sấm sét, hãy tắt nguồn sản phẩm và rút cáp nguồn.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

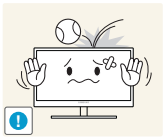

Không làm rơi các đồ vật lên sản phẩm hoặc gây ra va chạm.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

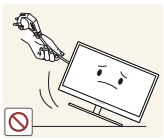

Không di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Nếu không, cáp nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

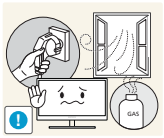

Nếu phát hiện rò rỉ gas, không chạm vào sản phẩm hoặc phích cắm nguồn. Đồng thời, thông gió khu vực đó ngay lập tức.

- Tia lửa điện có thể gây nổ hoặc hỏa hoạn.
- Trong khi có chớp hoặc sấm sét, không chạm vào dây nguồn hoặc cáp ăng-ten.

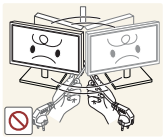

Không nâng hoặc di chuyển sản phẩm bằng cách kéo dây nguồn hoặc bất kỳ cáp nào.

- Nếu không, cáp nguồn có thể bị hỏng và có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

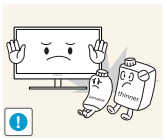

Không sử dụng hoặc cất giữ các bình xịt dễ cháy nổ hoặc chất dễ cháy gần sản phẩm.

- Có thể xảy ra nổ hoặc hỏa hoạn.

Đảm bảo các lỗ thông gió không bị khăn trải bàn hoặc rèm cửa che kín.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn do nhiệt độ bên trong tăng lên.

Không chèn đồ vật kim loại (đũa, đồng xu, kẹp tóc, v.v.) hoặc đồ vật dễ cháy (giấy, diêm, v.v.) vào lỗ thông gió hoặc các cổng trên sản phẩm.

- Nếu nước hoặc bất kỳ vật chất lạ nào rơi vào sản phẩm, đảm bảo tắt nguồn sản phẩm, rút dây nguồn và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 95).
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

Không đặt các vật chứa chất lỏng (bình, lọ, chai, v.v.) hoặc đồ vật bằng kim loại trên đỉnh sản phẩm.

- Nếu nước hoặc bất kỳ vật chất lạ nào rơi vào sản phẩm, đảm bảo tắt nguồn sản phẩm, rút dây nguồn và liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung (trang 95).
- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm, điện giật hoặc hỏa hoạn.

Thận trọng

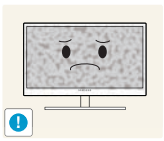

Để màn hình hiển thị hình ảnh tĩnh trong một thời gian dài có thể gây ra hiện tượng lưu ảnh hoặc điểm ảnh bị khuyết.

- Nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài, hãy kích hoạt chế độ tiết kiệm điện hoặc trình bảo vệ màn hình bằng hình ảnh chuyển động.

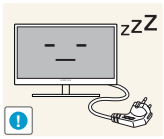

Rút dây nguồn khỏi ổ cắm nguồn nếu bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài (trong kỳ nghỉ, v.v.).

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn do bụi bẩn tích tụ, quá nhiệt, điện giật hoặc rò điện.

Sử dụng sản phẩm ở độ phân giải và tần số khuyến nghị.

- Thị lực của bạn có thể bị giảm.

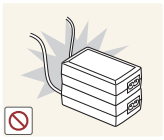

Không đặt các bộ điều hợp nguồn DC cùng nhau.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.

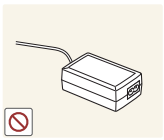

Tháo túi nhựa khỏi bộ điều hợp nguồn DC trước khi bạn sử dụng.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.

Trước khi sử dụng sản phẩm

Không để nước rơi vào thiết bị nguồn DC hoặc làm ướt thiết bị.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.
- Tránh sử dụng sản phẩm ngoài trời tại những nơi có thể tiếp xúc với nước mưa hoặc tuyết.
- Cẩn thận để không làm ướt bộ điều hợp nguồn DC khi bạn lau rửa sàn nhà.

Không đặt bộ điều hợp nguồn DC gần bất kỳ thiết bị sưởi nào.

- Nếu không, có thể xảy ra hỏa hoạn.

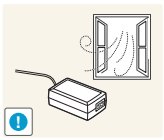

Đặt bộ điều hợp nguồn DC trong khu vực được thông gió tốt.

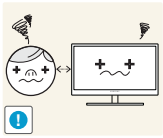

Nhìn màn hình ở khoảng cách quá gần trong thời gian dài có thể làm giảm thị lực của bạn.

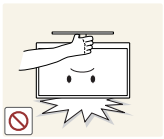

Không giữ màn hình lật ngược lại hoặc di chuyển bằng cách giữ chân đế.

- Sản phẩm có thể đổ và bị vỡ hoặc gây ra thương tích cá nhân.

Không sử dụng máy làm ẩm hoặc bếp lò quanh sản phẩm.

- Có thể xảy ra điện giật hoặc hỏa hoạn.

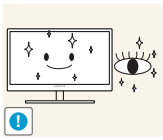

Để mắt bạn nghỉ ngơi trên 5 phút sau mỗi giờ sử dụng sản phẩm.

- Mắt của bạn sẽ hết mỏi.

Không chạm vào màn hình khi đã bật sản phẩm trong một thời gian dài vì màn hình sẽ trở nên nóng.

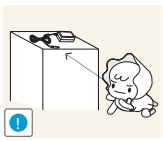

Cất giữ các phụ kiện nhỏ được sử dụng với sản phẩm ngoài tầm với của trẻ em.

Hãy thận trọng khi điều chỉnh góc của sản phẩm hoặc độ cao chân đế.

- Nếu không, ngón tay hoặc bàn tay của trẻ có thể kẹt vào phụ kiện và bị thương.
- Nghiêng sản phẩm quá mức có thể khiến sản phẩm bị đổ và gây ra thương tích cá nhân.

Không đặt vật nặng lên sản phẩm.

- Có thể xảy ra hỏng hóc sản phẩm hoặc thương tích cá nhân.

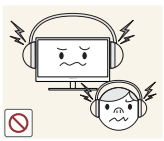

Không tăng âm lượng quá cao khi sử dụng tai nghe (ống nghe).

- Âm thanh đặc biệt ở mức âm lượng cao hơn có thể ảnh hưởng lâu dài đến thính giác.

Tư thế đúng khi sử dụng sản phẩm

Sử dụng sản phẩm với tư thế đúng như sau:

- Giữ thẳng lưng.
- Để khoảng cách từ 45 đến 50cm từ mắt bạn tới màn hình, và hơi nhìn xuống màn hình.

  Giữ mắt ở ngay phía trước màn hình.
- Điều chỉnh góc sao cho ánh sáng không phản chiếu vào màn hình.
- Giữ cho cẳng tay vuông góc với cẳng tay trên và ngang bằng với mu bàn tay của bạn.
- Giữ khuỷu tay bạn ở góc vuông.
- Điều chỉnh độ cao của sản phẩm để bạn có thể giữ đầu gối ở góc 90 độ hoặc lớn hơn, gót chân đặt trên sàn và tay bạn ở phía dưới tim.

Mục lục

TRƯỚC KHI SỬ DỤNG SẢN PHẨM

2 **Bản quyền**
2 Các biểu tượng được sử dụng trong sách hướng dẫn này
2 Ký hiệu cho các lưu ý an toàn

3 **Làm sạch**
3 Làm sạch
4 Bảo đảm không gian lắp đặt
4 Lưu ý khi cất giữ

5 **Các lưu ý về an toàn**
5 Điện và an toàn
6 Cài đặt
8 Hoạt động

12 **Tư thế đúng khi sử dụng sản phẩm**

CHUẨN BỊ

18 **Kiểm tra các thành phần**
18 Tháo gói bọc sản phẩm
19 Kiểm tra các thành phần

20 **Các bộ phận**
20 Các nút phía trước
22 Mặt sau
23 Nhìn từ bên phải

24 **Cài đặt**
24 Ráp chân đế
25 Điều chỉnh độ nghiêng và độ cao của sản phẩm
25 Xoay màn hình
26 Lắp đặt giá treo tường/giá trên mặt bàn
27 Khóa chống trộm

SỬ DỤNG "WINDOWS EMBEDDED STANDARD 7"

28 **Máy khách "Windows Embedded Standard 7" là gì?**

Mục lục

29 **Kết nối để Sử dụng "Windows Embedded Standard 7"**
29 Kết nối bằng cáp D-SUB (Loại analog)
29 Sử dụng cáp DVI để kết nối
30 Kết nối với Tai nghe hoặc Loa
30 Kết nối LAN
31 Kết nối Microphone
31 Kết nối các thiết bị USB

32 **Sử dụng "Windows Embedded Standard 7"**
32 Logon
32 Màn hình "Windows Embedded Standard 7"
33 Caùc chöông trình
40 Caáu hình Caùc Tieän ích
41 Khoâi phuïc laïi Heä thoáng

KẾT NỐI VÀ SỬ DỤNG THIẾT BỊ NGUỒN

43 **Before Connecting**
43 Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối

44 **Kết nối và sử dụng PC**
44 Kết nối với máy tính
46 Cài đặt trình điều khiển
47 Thiết lập độ phân giải tối ưu
48 Thay đổi độ phân giải bằng máy tính

51 **Kết nối với nguồn**

THIẾT LẬP MÀN HÌNH

52 **Brightness**
52 Đặt cấu hình cho **Brightness**

53 **Contrast**
53 Đặt cấu hình **Contrast**

54 **Sharpness**
54 Đặt cấu hình **Sharpness**

55 **SAMSUNG MAGIC Bright**
55 Đặt cấu hình **SAMSUNG MAGIC Bright**

Mục lục

56 **SAMSUNG MAGIC Angle**
56 Đặt cấu hình **SAMSUNG MAGIC Angle**
57 **Coarse**
57 Điều chỉnh **Coarse**
58 **Fine**
58 Điều chỉnh **Fine**

ĐẶT CẤU HÌNH TÔNG MÀU

59 **SAMSUNG MAGIC Color**
59 Đặt cấu hình **SAMSUNG MAGIC Color**
60 **Red**
60 Đặt cấu hình **Red**
61 **Green**
61 Đặt cấu hình **Green**
62 **Blue**
62 Đặt cấu hình **Blue**
63 **Color Tone**
63 Cấu hình cài đặt **Color Tone**
64 **Gamma**
64 Đặt cấu hình **Gamma**

THAY ĐỔI KÍCH THƯỚC HOẶC ĐỊNH VỊ LẠI MÀN HÌNH

65 **H-Position & V-Position**
65 Đặt cấu hình **H-Position** & **V-Position**
66 **Image Size**
66 Thay đổi **Image Size** Hình ảnh
67 **Menu H-Position & Menu V-Position**
67 Đặt cấu hình **Menu H-Position** & **Menu V-Position**

THIẾT LẬP VÀ KHÔI PHỤC

68 **Reset**
68 Bắt đầu cài đặt (**Reset**)

Mục lục

69 **Language**
69 Thay đổi **Language**

70 **Off Timer On/Off**
70 Đặt cấu hình **Off Timer On/Off**

71 **Off Timer Setting**
71 Đặt cấu hình **Off Timer Setting**

72 **PC/AV Mode**
72 Đặt cấu hình **PC/AV Mode**

73 **Key Repeat Time**
73 Đặt cấu hình **Key Repeat Time**

74 **Customized Key**
74 Cấu hình **Customized Key**

75 **Auto Source**
75 Đặt cấu hình **Auto Source**

76 **Display Time**
76 Đặt cấu hình **Display Time**

77 **Menu Transparency**
77 Thay đổi **Menu Transparency**

MENU INFORMATION VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC

78 **INFORMATION**
78 Hiển thị **INFORMATION**

78 **Cấu hình Brightness trên Màn hình khởi động**

CÀI ĐẶT PHẦN MỀM

79 **Natural Color**
79 **Play Touch** là gì?

80 **MultiScreen**
80 Cài đặt phần mềm
81 Gỡ bỏ phần mềm

82 **MagicRMS Pro**
82 Thông tin về **MagicRMS Pro**

Mục lục

HƯỚNG DẪN XỬ LÝ SỰ CỐ

83 **Các yêu cầu trước khi liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung**

83 Kiểm tra sản phẩm

83 Kiểm tra độ phân giải và tần số

83 Kiểm tra những mục sau đây.

86 **Hỏi & Đáp**

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT

88 **Thống số chung**

90 **Trình tiết kiệm năng lượng**

91 **Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn**

PHỤ LỤC

95 **Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE**

100 **Thuật ngữ**

CHỈ MỤC

1 Chuẩn bị

1.1 Kiểm tra các thành phần

1.1.1 Tháo gói bọc sản phẩm

1 Mở hộp bao bì. Cẩn thận để không làm hỏng sản phẩm khi bạn mở bao bì với dụng cụ sắc.

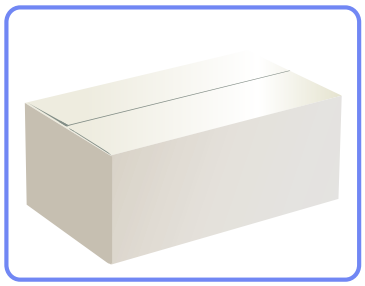

2 Tháo các tấm xốp cứng ra khỏi sản phẩm.

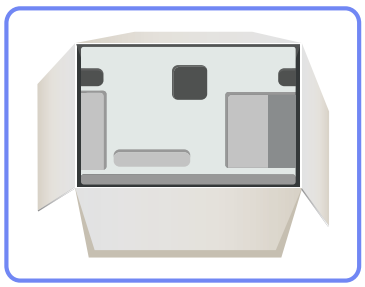

3 Kiểm tra các thành phần và tháo bao xốp Styrofoam và túi nilon ra.

- Bề ngoài của các thành phần thật có thể khác so với hình ảnh trình bày.
- Hình ảnh chỉ có tính chất tham khảo.

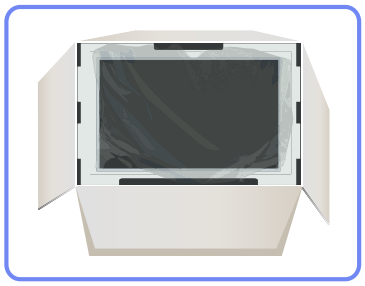

4 Cất hộp ở nơi khô ráo để sau này sử dụng khi di chuyển sản phẩm.

1.1.2 Kiểm tra các thành phần

- Liên hệ với đại lý bạn đã mua sản phẩm nếu thiếu bất kỳ mục nào.
- Bề ngoài của các thành phần và chi tiết bán riêng có thể khác so với hình ảnh trình bày.

Các thành phần

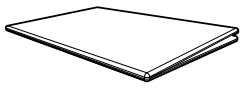

Hướng dẫn cài đặt nhanh

Thẻ bảo hành

(Chỉ có ở một số khu vực)

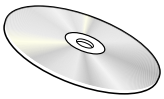

Sổ tay Hướng dẫn Sử dụng

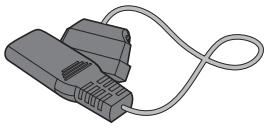

Cáp nguồn

Bộ điều hợp nguồn DC

Cáp nguồn mở rộng (DC 14V)

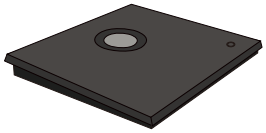

Chân đế

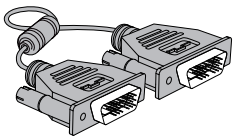

Cáp DVI

- Các thành phần có thể khác nhau tại các địa điểm khác nhau.
- Chân đế được cung cấp kèm sản phẩm có một bảng mạch. Bạn nên cẩn trọng khi sử dụng chân đế.

Các phụ kiện được bán riêng

Có thể mua các chi tiết sau đây tại cửa hàng bán lẻ gần nhất.

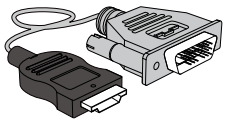

Cáp HDMI-DVI

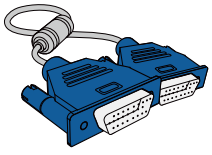

Cáp D-SUB

1 Chuẩn bị

1.2 Các bộ phận

1.2.1 Các nút phía trước

Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

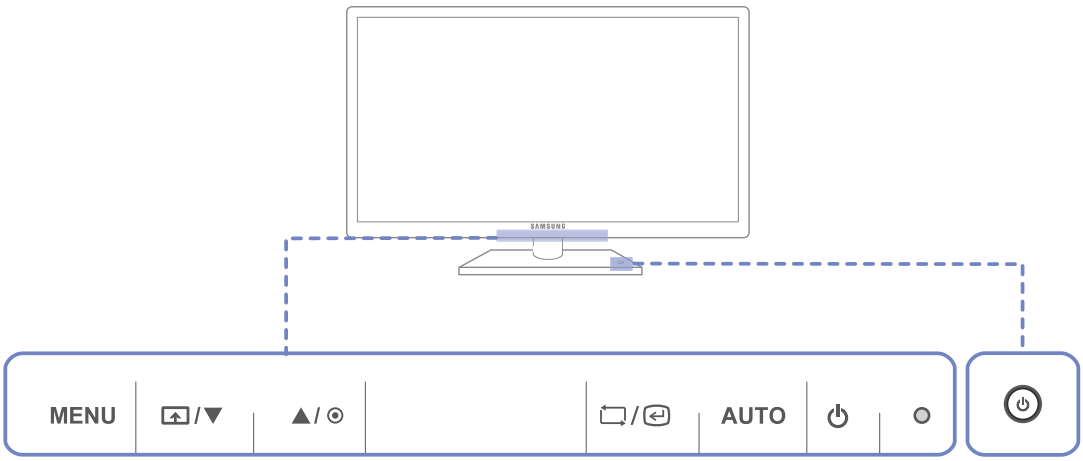

Biểu tượng	Mô tả
MENU	• Mở hoặc đóng menu hiển thị trên màn hình (OSD) hoặc trở lại menu trước. • Khóa điều khiển OSD: Duy trì cài đặt hiện tại hoặc khóa kiểm soát OSD để ngăn thay đổi cài đặt không chủ định. Để khóa kiểm soát OSD, nhấn nút MENU [**MENU**] trong 5 giây. Để mở khóa kiểm soát OSD đã khóa, nhấn nút MENU [**MENU**] lâu hơn 5 giây. Nếu điều khiển OSD bị khóa, • Bạn có thể điều chỉnh **Brightness** và **Contrast**, và xem **INFORMATION**. • Có thể sử dụng chức năng **Customized Key** bằng cách nhấn nút [ ]. (Chức năng **Customized Key** được chỉ định trước khi điều khiển OSD bị khóa sẽ khả dụng ngay cả khi điều khiển OSD bị khóa).

Biểu tượng	Mô tả
	Cấu hình **Customized Key** và nhấn [ ]. Những tùy chọn sau sẽ được kích hoạt. SAMSUNG MAGIC**Angle** - SAMSUNG MAGIC**Bright** - **Image Size** Cấu hình **Customized Key**, đi đến **SETUP&RESET** → **Customized Key** và chọn chế độ bạn muốn.
▲/▼	Di chuyển đến menu phía trên hoặc phía dưới hoặc điều chỉnh giá trị cho một tùy chọn trên menu OSD.
	Điều khiển độ sáng màn hình.
	Xác nhận lựa chọn một trình đơn. Nhấn nút [] khi menu OSD không hiển thị sẽ thay đổi nguồn vào (**Digital**/**Analog**). Nếu bạn bật nguồn trên sản phẩm hoặc thay đổi nguồn vào bằng cách nhấn nút [], một thông báo sẽ xuất hiện cho biết nguồn vào đã thay đổi sẽ xuất hiện ở góc trên cùng bên trái của màn hình.
AUTO	Nhấn nút [AUTO] để điều chỉnh các cài đặt màn hình một cách tự động. • Chỉ hoạt động trong chế độ **Analog**. • Thay đổi độ phân giải trong Các thuộc tính màn hình sẽ kích hoạt tính năng **Auto Adjustment**.
	Bật hoặc tắt màn hình.
(Đèn nguồn điện)	Đèn báo nguồn sẽ sáng khi sản phẩm đang hoạt động bình thường. • Tham khảo "11.2 Trình tiết kiệm năng lượng" để tìm hiểu thông tin chi tiết về tính năng tiết kiệm điện. • Để giảm mức tiêu thụ điện, tốt nhất là rút cáp nguồn khi bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
	Bật hoặc tắt nguồn sản phẩm.

1.2.2 Mặt sau

Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

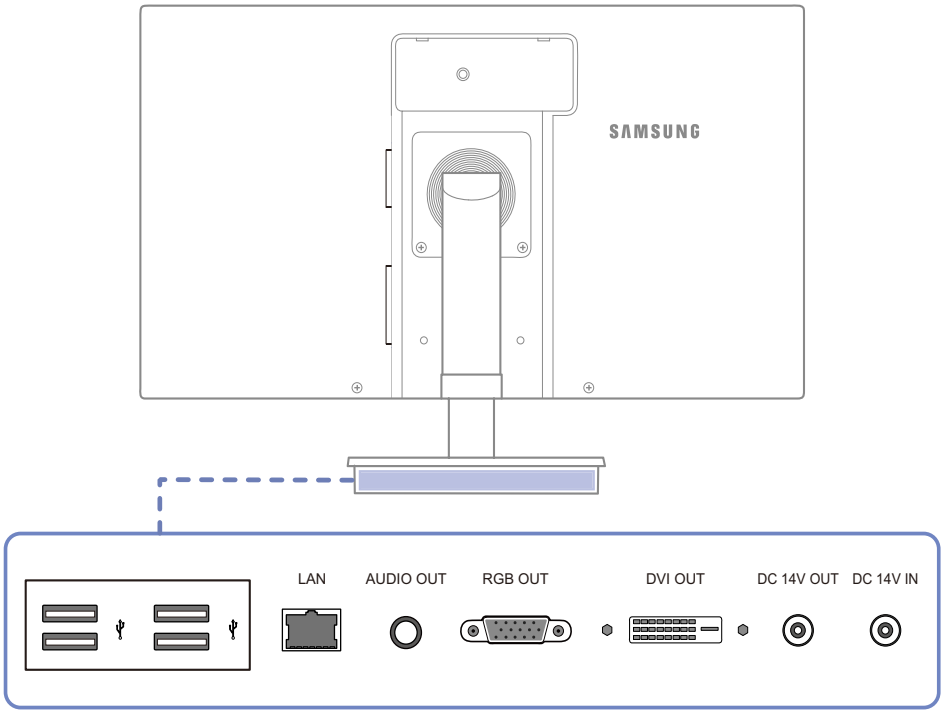

Cổng	Mô ta
	Kết nối với thiết bị USB.
	Kết nối mạng bằng cáp LAN.
	Kết nối với thiết bị đầu ra âm thanh như tai nghe.
	Kết nối với màn hình bằng cáp D-SUB.
	Kết nối với màn hình bằng cáp DVI.
[DC 14V OUT]	Dùng cáp nguồn mở rộng để kết nối với cổng [DC 14V] trên màn hình.
[DC 14V IN]	Kết nối bộ điều hợp nguồn DC.

1.2.3 Nhìn từ bên phải

Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

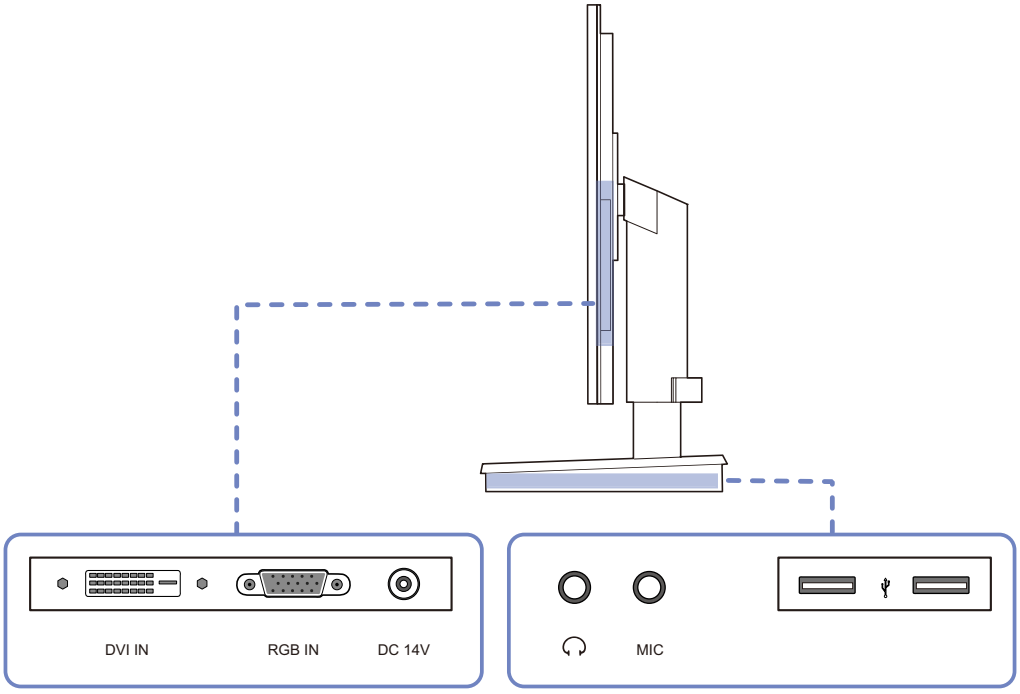

Cổng	Mô ta
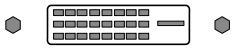	Kết nối với máy tính hoặc chân đế bằng cáp DVI.
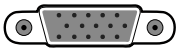	Kết nối với máy tính hoặc chân đế bằng cáp D-SUB.
	Dùng cáp nguồn mở rộng để kết nối [DC 14V OUT] ở chân đế.
[ ]	Kết nối với thiết bị đầu ra âm thanh như tai nghe.
[MIC]	Kết nối với micrô.
	Kết nối với thiết bị USB.

1.3 Cài đặt

1.3.1 Ráp chân đế

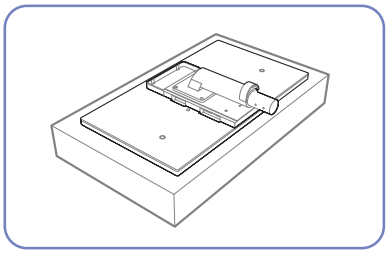

Đặt một miếng vải hoặc đệm bảo vệ trên một mặt phẳng. Tiếp theo, đặt sản phẩm quay mặt xuống phía trên của tấm vải hoặc miếng đệm.

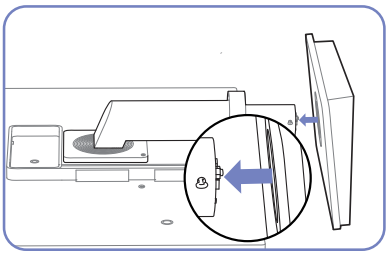

Đặt phần chân đế vào trong phần thân đế theo hướng mũi tên.

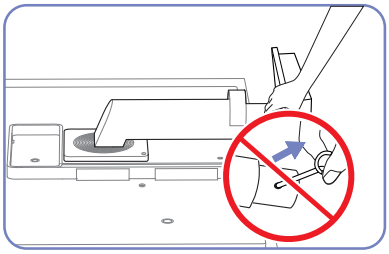

Không tháo dời chốt cố định cho tới khi bạn đã hoàn thành gắn chân đế.

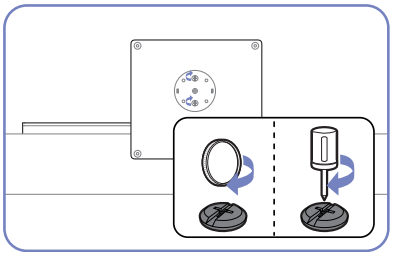

Vặn chặt vít (bằng tua vít hoặc đồng xu) ở dưới chân đế.

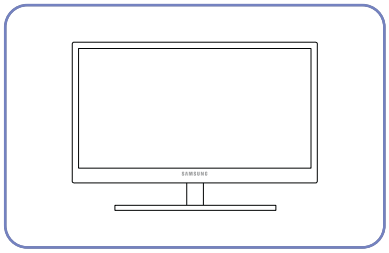

Sau khi lắp đặt chân đế, hãy đặt sản phẩm thẳng đứng.

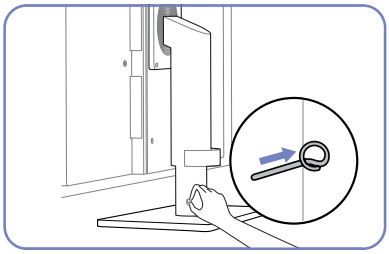

Bây giờ bạn có thể tháo chốt cố định để điều chỉnh chân đế.

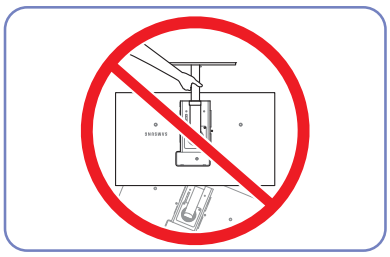

- Lưu ý

Không lộn ngược sản phẩm bằng cách chỉ nắm chân đế.

Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

1.3.2 Điều chỉnh độ nghiêng và độ cao của sản phẩm

Màu sắc và hình dạng các bộ phận có thể khác so với hình trình bày. Để nâng cao chất lượng, thông số kĩ thuật có thể thay đổi mà không có thông báo.

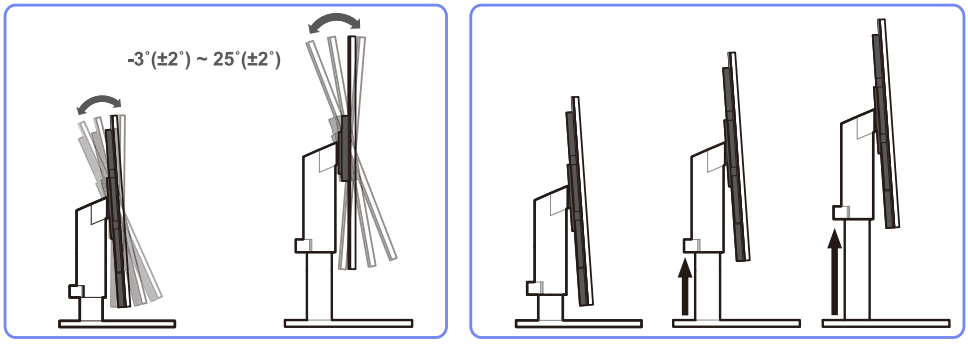

- Để điều chỉnh độ cao, gỡ bỏ chốt định vị.
- Độ nghiêng và độ cao của sản phẩm có thể được điều chỉnh.
- Giữ điểm giữa ở trên đỉnh sản phẩm và điều chỉnh độ cao cẩn thận.

1.3.3 Xoay màn hình

Bạn có thể xoay màn hình như hiển thị dưới đây.

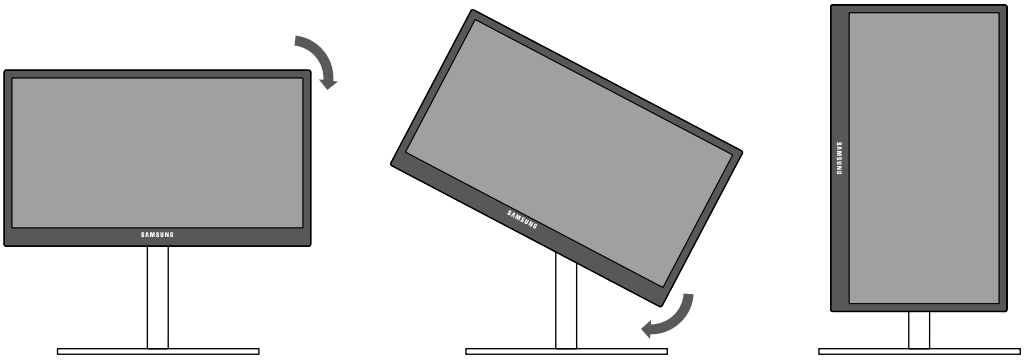

- Hãy chắc chắn nới rộng chân đế hoàn toàn trước khi xoay màn hình.
- Nếu bạn xoay màn hình mà không nới rộng chân đế hoàn toàn, góc màn hình có thể chạm xuống sàn và bị hỏng.
- Không được xoay màn ngược chiều kim đồng hồ. Màn hình có thể bị hỏng.

1.3.4 Lắp đặt giá treo tường/giá trên mặt bàn

Trước khi lắp đặt

Hãy tắt nguồn sản phẩm và tháo dời cáp nguồn khỏi ổ cắm.

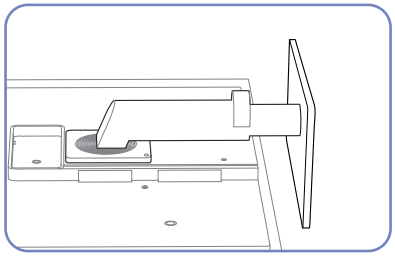

Đặt một miếng vải hoặc đệm bảo vệ trên một mặt phẳng. Tiếp theo, đặt sản phẩm quay mặt xuống phía trên của tấm vải hoặc miếng đệm.

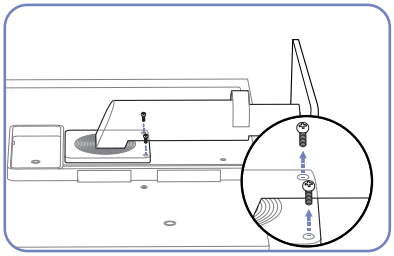

Tháo vít ở mặt sau của sản phẩm.

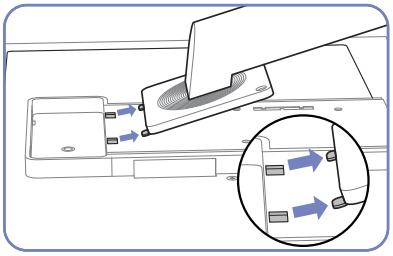

Nâng và tháo chân đế.

Lắp đặt giá treo tường/giá trên mặt bàn

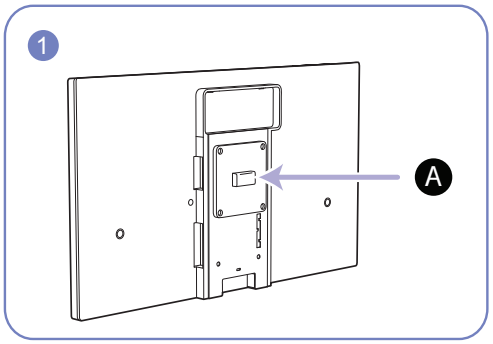

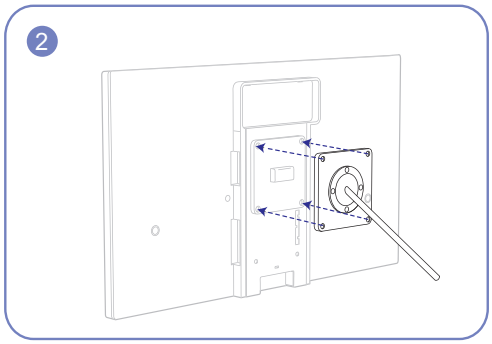

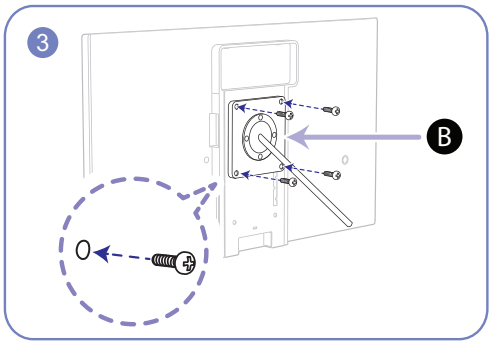

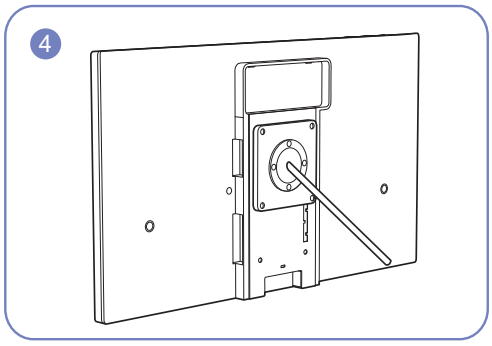

A Gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn

B Giá (bán riêng)

Xếp thẳng rãnh và siết chặt vít trên giá của sản phẩm với những phần còn lại trên giá treo tường hoặc giá trên mặt bàn mà bạn muốn gắn.

Lưu ý

- Sử sụng vít dài hơn độ dài tiêu chuẩn có thể làm hỏng những bộ phận bên trong sản phẩm.
- Độ dài của các vít bắt buộc cho một giá treo tường không tuân theo các tiêu chuẩn VESA có thể khác nhau tùy vào các thông số.
- Không sử dụng vít không phù hợp với tiêu chuẩn VESA. Không gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn với lực quá mạnh. Sản phẩm có thể bị hỏng hoặc rơi và gây thương tích. Samsung không chịu trách nhiệm về bất kỳ hỏng hóc hoặc thương tích nào gây ra bởi việc sử dụng vít không đúng hoặc gắn giá treo tường/giá trên mặt bàn với lực quá mạnh.
- Samsung không chịu trách nhiệm về những hỏng hóc đối với sản phẩm hoặc thương tích liên quan đến việc sử dụng giá treo tường khác giá treo tường được chỉ định hoặc do bạn tự lắp đặt giá treo tường.
- Để gắn sản phẩm lên tường, hãy đảm bảo rằng bạn mua giá treo tường có thể được gắn cách tường tối thiểu 10cm.
- Hãy đảm bảo sử dụng bộ giá treo tường tuân theo những tiêu chuẩn này.

1.3.5 Khóa chống trộm

Khóa chống trộm cho phép bạn sử dụng sản phẩm một cách an toàn ngay cả ở những nơi công cộng. Hình dạng thiết bị khóa và cách thức khóa tùy thuộc vào nhà sản xuất. Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị khóa chống trộm để biết thêm thông tin chi tiết. Thiết bị khóa được bán riêng.

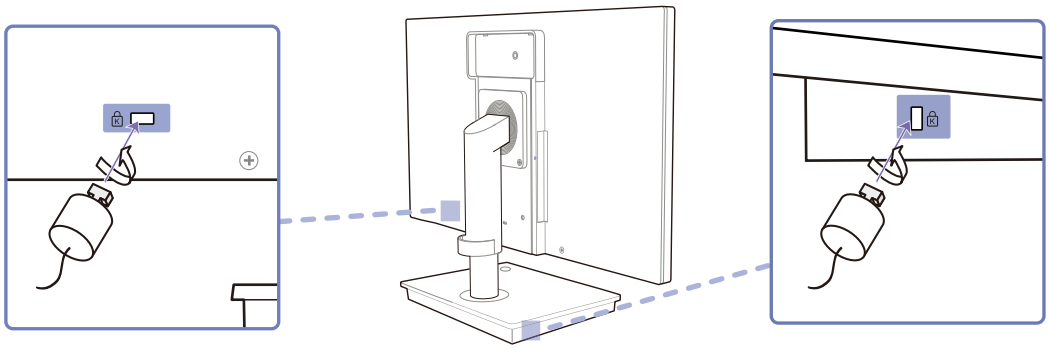

Để khóa thiết bị khóa chống trộm:

1. Cố định cáp của thiết bị khóa chống trộm vào một vật nặng ví dụ như bàn làm việc.
2. Luồn một đầu của cáp qua móc ở đầu kia của cáp.
3. Đặt thiết bị khóa vào bên trong khe khóa chống trộm ở phía sau sản phẩm.
4. Khóa thiết bị khóa.

- Bạn có thể mua riêng thiết bị khóa chống trộm.
- Tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị khóa chống trộm để biết thêm thông tin chi tiết.
- Bạn có thể mua thiết bị khóa chống trộm tại các cửa hàng bán lẻ đồ điện tử hoặc mua qua mạng.

2 Sử dụng "Windows Embedded Standard 7"

2.1 Máy khách "Windows Embedded Standard 7" là gì?

Máy khách **Microsoft Windows Embedded Standard 7 (WES7)** sử dụng **Microsoft Windows Embedded Standard 2011 OS**. Khi bạn kết nối máy khách WES với máy chủ ở đó có sẵn dịch vụ **Citrix XenDesktop**, **VMWare View Client** , hoặc **Microsoft Remote Desktop Connection**, dữ liệu từ bàn phím, chuột, âm thanh/hình ảnh và màn hình sẽ được chuyển tiếp đến máy khách thông qua mạng giữa máy khách và máy chủ.

Caùc Maùy chuû coù theå Keát noái

- Máy chủ **Citrix XenDesktop**
  - **Microsoft Windows 2000/2003/2008 Server** tại đó **Terminal Service** và **Citrix XenServer** được cài đặt
- Máy chủ **VMWare View Client**
  - **Microsoft Windows 2000/2003/2008 Server** tại đó **Terminal Service** và **VMWare Server** được cài đặt
- Moät Maùy chuû **Microsoft RDP (Remote Desktop Protocol)**
  - **Microsoft Windows 2000/2003/2008 Server** tại đó **Terminal Services** được cài đặt
  - **Hệ điều hành Windows 7 Professional của Microsoft**

Tài liệu này mô tả chức năng do máy khách (Client) **WES** cung cấp. Tuy nhiên, tài liệu không giải thích các chức năng chung của **WES**. Để biết thêm thông tin chung về **Windows 7**, tham khảo Windows 7 Help (Trợ giúp Windows 7) được cung cấp bởi **Microsoft.**

2.2 Kết nối để Sử dụng "Windows Embedded Standard 7"

2.2.1 Kết nối bằng cáp D-SUB (Loại analog)

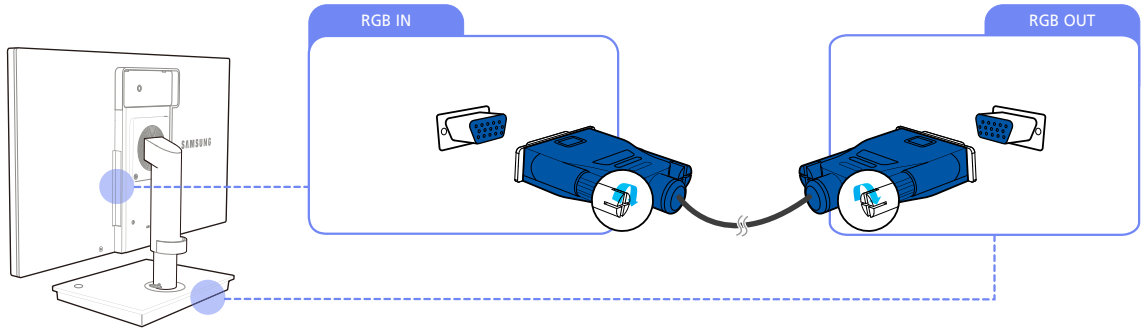

1. Cắm cáp D-SUB vào [RGB IN] ở mặt sau của màn hình và [RGB OUT] ở chân đế.
2. Kết nối bộ điều hợp nguồn DC với sản phẩm và ổ điện. Sau đó, bật công tắc nguồn trên chân đế. (Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "3.3 Kết nối với nguồn".)
3. Nhấn [⏎/⏎] để thay đổi nguồn vào thành **Analog**.

2.2.2 Sử dụng cáp DVI để kết nối

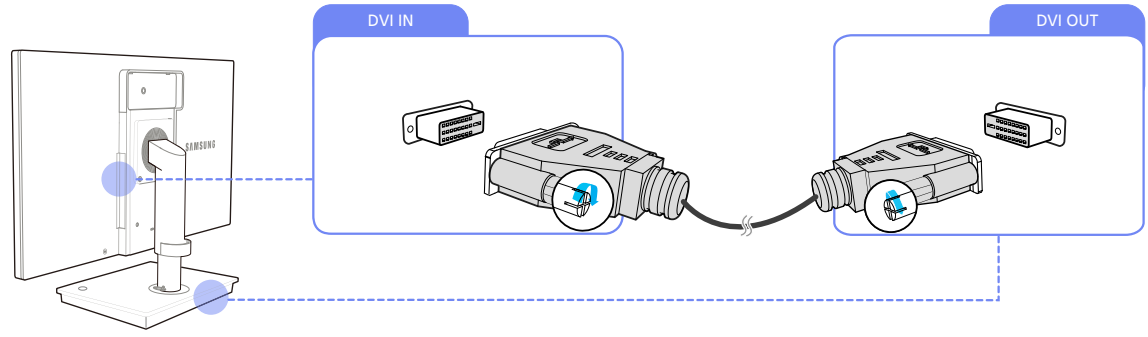

1. Cắm cáp DVI vào [DVI IN] ở mặt sau của màn hình và [DVI OUT] ở chân đế.
2. Kết nối bộ điều hợp nguồn DC với sản phẩm và ổ điện. Sau đó, bật công tắc nguồn trên chân đế. (Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "3.3 Kết nối với nguồn".)
3. Nhấn [⏎/⏎] để thay đổi nguồn vào thành **Digital**.

2.2.3 Kết nối với Tai nghe hoặc Loa

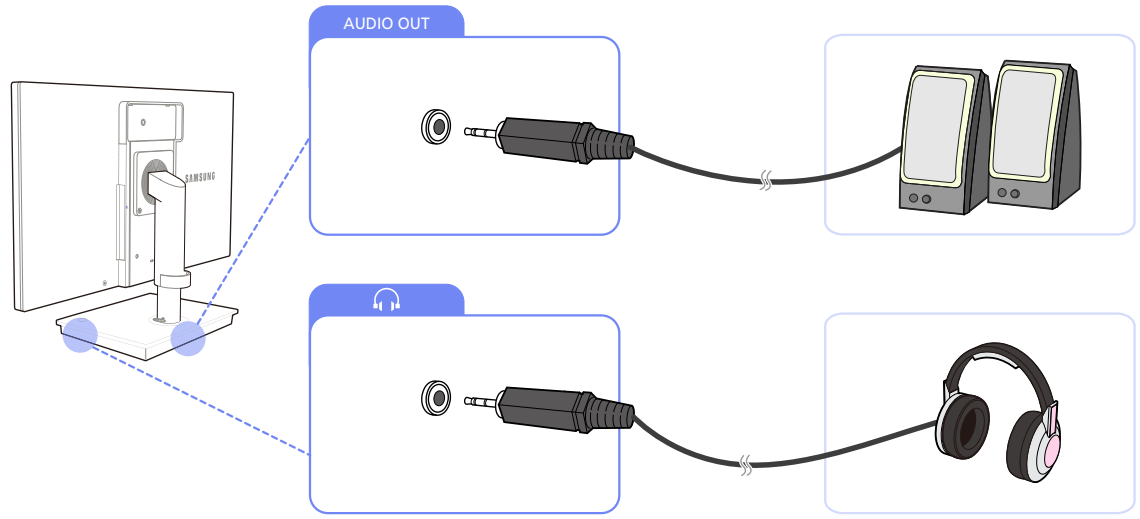

1 Kết nối thiết bị đầu ra âm thanh (tai nghe hoặc loa) với [AUDIO OUT] ở mặt sau hoặc [ ] ở bên phải chân đế.

2.2.4 Kết nối LAN

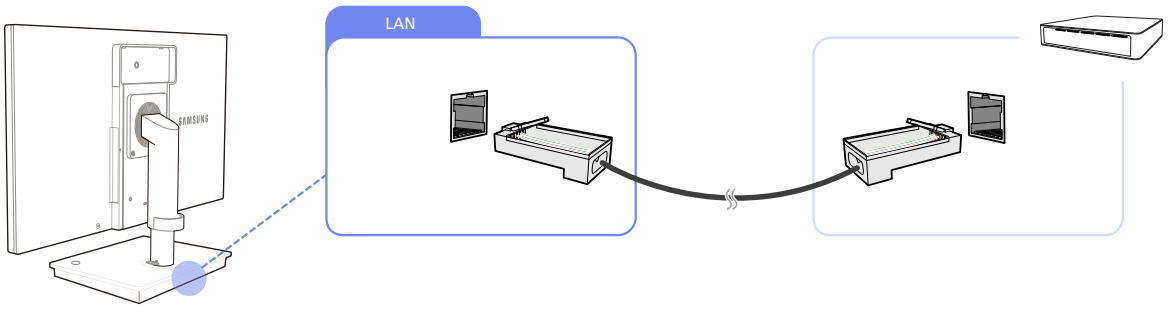

1 Cắm cáp LAN vào [LAN] ở mặt sau của chân đến.

Không hỗ trợ khi tốc độ mạng dưới hoặc bằng 10Mbps.

2.2.5 Kết nối Microphone

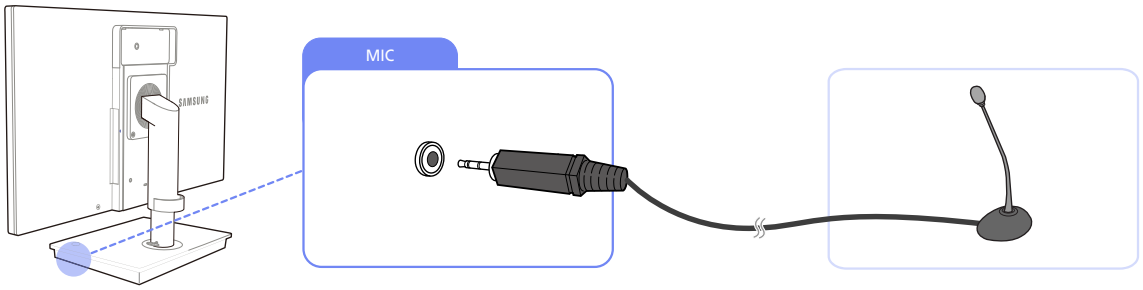

1 Kết nối microphone với [MIC] ở bên phải của chân đế.

2.2.6 Kết nối các thiết bị USB

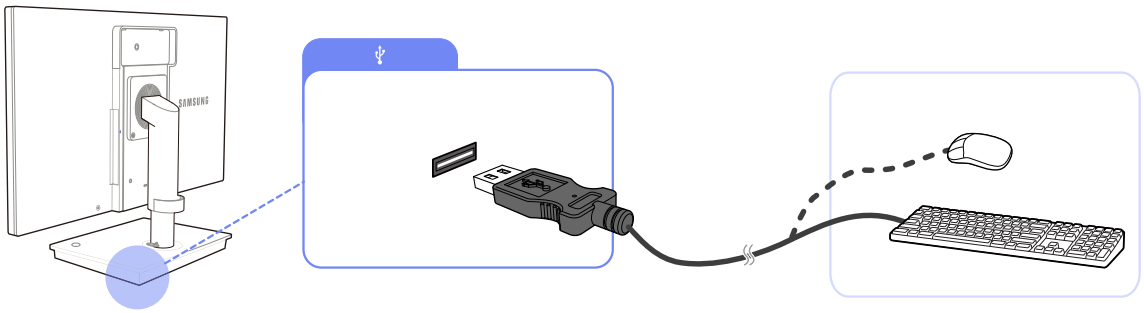

1 Kết nối các thiết bị USB (bàn phím, chuột, v.v.) với [ψ] ở mặt sau hoặc bên phải chân đế.

2.3 Sử dụng "Windows Embedded Standard 7"

2.3.1 Logon

Khi maùy khaùch khôûi ñoäng, baïn coù theå ñaêng nhaäp vaøo maùy chuû baèng caùch nhaäp teân ngöôøi söû duïng vaø maät khaåu cuûa baïn. Các mã tài khoản mặc định là '**Administrator**' và '**User**'. Mật khẩu tương ứng không được cài đặt.

2.3.2 Màn hình "Windows Embedded Standard 7"

Ngöôøi söû duïng

Khi bạn đăng nhập, Màn hình **User** xuất hiện. Các biểu tượng mặc định xuất hiện trên Màn hình giao diện **User** là **Recycle Bin**, **Computer**, **Citrix Online Plug in**, **VMWare View Client**, **Remote Desktop Connection** và **Internet Explorer**. Bạn cũng có thể chạy kết nối này từ trình đơn **Start**. Biểu tượng âm lượng và thời gian hệ thống được hiển thị trên Thanh tác vụ **User**.

Khi đăng nhập với quyền **user**, hệ thống sẽ được bảo vệ bằng nhiều giới hạn để tránh các thao tác sai của người dùng. Baïn khoâng theå truy caäp caùc oå ñóa cuûa heä thoáng vaø coøn coù nhöõng haïn cheá trong caùc thuoäc tính caáu hình ñoái vôùi chuùng. Để cấu hình các cài đặt cao cấp và chi tiết, đăng nhập với quyền **administrator**.

Administrator

Nếu bạn đăng nhập với quyền **Administrator**, Màn hình giao diện **Administrator** xuất hiện. Các biểu tượng mặc định xuất hiện trên Màn hình giao diện **Administrator** là **Recycle Bin**, **Computer**, **Citrix Online Plug in**, **VMWare View Client**, **Remote Desktop Connection** và **Internet Explorer**. Bạn cũng có thể chạy **Citrix Online Plug in** , **VMWare View Client**, **Remote Desktop Connection**, và **Internet Explorer** từ trình đơn **Start**. Biểu tượng âm lượng, biểu tượng trạng thái Enhanced Write Filter (Bộ lọc ghi nâng cao), và thời gian hệ thống được hiển thị trên Thanh tác vụ **Administrator**. Cần phải có đặc quyền **Administrator** để thêm và gỡ bỏ chương trình.

Log off, Restart, Shut down

- Để đăng xuất khỏi phiên hiện thời, tắt hoặc khởi động lại máy khách, sử dụng trình đơn **Start**. [**Start** → **Shut down**]. Hộp thoại **Shut Down** của Windows được hiển thị. Để tắt máy khách ngay lập tức, chọn [**Start** → **Shut down**]. Để chọn **Log off** , **Restart**, v.v., di chuyển chuột lên biểu tượng ▶ cạnh [**Shut down**]. Một cách khác giúp bạn thực hiện **Log off** hoặc **Shut down** là sử dụng hộp thoại Windows Security (Bảo mật Windows) bằng cách nhấn [**Ctrl** + **Alt** + **Del**]. Nếu bạn kích hoạt'**Force Auto Log on**', bạn sẽ lập tức đăng nhập trở lại sau mỗi lần đăng xuất.
- Các tính năng **Log off**, **Restart** và **Shut down** có tác dụng đối với hoạt động của EWF(Enhanced Write Filter (Bộ lọc ghi nâng cao). Ñeå giöõ caáu hình ñaõ ñöôïc thay ñoåi cuûa heä thoáng, baïn phaûi löu moät boä nhôù ñeäm cho phieân laøm vieäc hieän thôøi cuûa heä thoáng vaøo boä nhôù flash. Neáu khoâng laøm nhö vaäy seõ laøm cho caáu hình ñaõ ñöôïc thay ñoåi bò maát ñi

khi maùy khaùch ñöôïc taét hay khôûi ñoäng laïi. (Trong tröôøng hôïp ñaêng thoaùt, caáu hình seõ ñöôïc ghi nhôù khi ñaêng nhaäp laïi.) Để biết thêm thông tin về **Enhanced Write Filter**, tham khảo Program Help (Trợ giúp Chương trình).

2.3.3 Caùc chöông trình

Remote Desktop Connection

Bạn có thể điều khiển từ xa một máy chủ đầu cuối đang chạy hoặc một máy tính khác (**Windows 95** hoặc phiên bản sau đó) thông qua kết nối màn hình từ xa.

- **Remote Desktop**
  - Bạn phải cài đặt **Windows 7 Professional** hoặc **Windows 2000/2003/2008 Server** trên máy tính để điều khiển từ xa. Maùy tính naøy ñöôïc goïi laø moät host.
  - Moät maùy tính töø xa chaïy treân moät heä ñieàu haønh môùi hôn **Windows 95** ñöôïc yeâu caàu. Maùy tính ôû xa naøy ñöôïc goïi laø moät maùy khaùch. Phaàn meàm cho maùy khaùch ñeå coù keát noái maøn hình töø xa phaûi ñöôïc caøi treân maùy khaùch.
  - Baïn cuõng phaûi ñöôïc keát noái vôùi Internet. Moät keát noái baêng roäng vôùi Internet seõ toát cho caùc hoaït ñoäng maïnh. Tuy nhieân, vì maøn hình töø xa seõ truyeàn goùi döõ lieäu nhoû nhaát bao goàm döõ lieäu maøn hình vaø döõ lieäu baøn phím ñeå ñieàu khieån host töø xa, neân moät keát noái baêng roäng vôùi Internet seõ khoâng ñöôïc yeâu caàu. Baïn coù theå chaïy moät maøn hình töø xa treân moät keát noái Internet coù chieàu roäng baêng thoâng nhoû.

  Khi chaïy moät maøn hình töø xa treân **Windows 7 Professional**, baïn khoâng theå söû duïng heä ñieàu haønh treân maùy tính cuûa baïn.

- Laøm cho Maùy tính Cuûa baïn thaønh moät Host

  Bạn phải bật tính năng **Remote Desktop** để điều khiển màn hình từ một máy tính khác. Bạn phải đăng nhập với quyền **administrator** hoặc thành viên của **Administrators group** để bật **Remote Desktop** trên máy tính của bạn. Laøm theo caùc böôùc sau:

  1. Mở thư mục **System** trong **Control Panel**.
  2. Vào [**Start** → **Control Panel** → **System and Security** → **System**], và nhấp **Remote settings**.
  3. Nếu bạn muốn chặn không cho các máy tính khác truy cập vào máy tính của bạn bằng cách sử dụng **Remote Desktop** hoặc **RemoteApp**, chọn “**Don't allow connections to this computer**”.

- Để cho phép máy tính từ xa truy cập vào máy tính của bạn bằng cách sử dụng phiên bản bất kì của **Remote Desktop** hoặc **RemoteApp**, chọn "**Allow connections from computers running any version of Remote Desktop (less secure)**". Tùy chọn này phù hợp nếu bạn không biết phiên bản **Remote Desktop Connection** đang được sử dụng trên các máy tính khác. Lưu ý là lựa chọn này có tính bảo mật thấp hơn lựa chọn tiếp theo (lựa chọn 3).
- Để cho phép một máy tính từ xa truy cập vào máy tính của bạn bằng cách sử dụng một phiên bản yêu cầu xác thực cấp độ mạng của **Remote Desktop** hoặc **RemoteApp**, chọn "**All**

Remote Assistance connections to this computer" để chạy **Remote Desktop** có sử dụng xác thực cấp độ mạng.

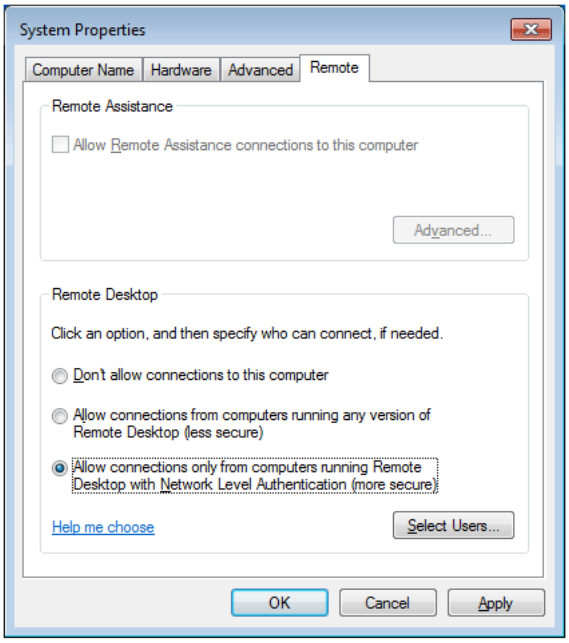

- Khôûi ñoäng moät Phieân laøm vieäc cuûa Maøn hình Töø xa trong Maùy khaùch

  Khi bạn đã bật máy chủ để cho phép thực hiện kết nối từ xa và cài đặt phần mềm máy khách vào máy tính khách dựa trên Windows, bạn đã sẵn sàng khởi động phiên **Remote Desktop**.

  Ñaàu tieân baïn phaûi xaùc laäp moät keát noái maïng rieâng aûo hay moät keát noái dòch vuï truy caäp töø xa töø maùy khaùch cuûa baïn ñeán maùy host cuûa baïn. Để kết nối với màn hình từ xa khác, làm theo hướng dẫn dưới đây.

  1 Vào [**Start** → **All Programs** → **Accessories** → **Remote Desktop Connection**] hoặc nhấp đúp biểu tượng **Remote Desktop Connection** để mở **Remote Desktop Connection**.

  2 Nhaäp teân cuûa maùy tính host. Bạn có thể cấu hình cài đặt chi tiết bằng cách nhấp nút **Options**.

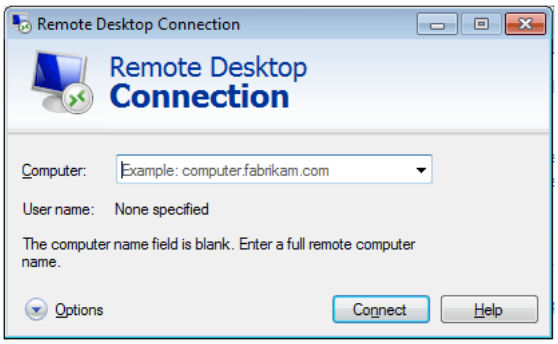

3 Options

- **General** : Nhập thông tin đăng nhập vào cho máy chủ. Để đăng nhập tự động, nhập tên và mật khẩu người dùng.

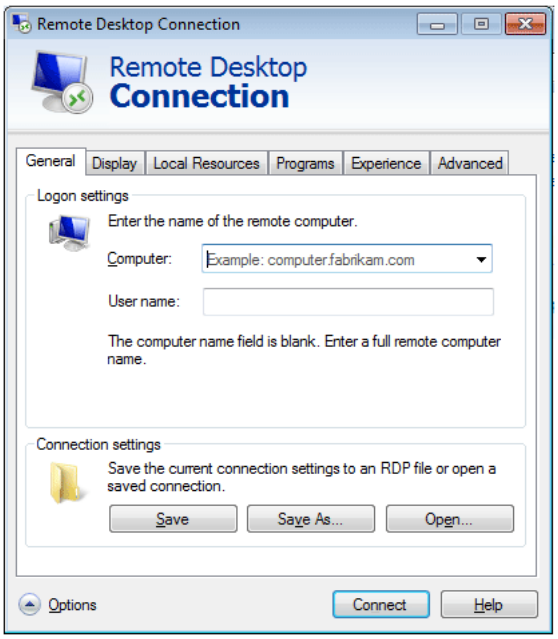

- **Display** : Ứng dụng **Remote Desktop Connection** gửi và nhận dữ liệu màn hình đã được nén. Neáu baïn caøi ñaët chaát löôïng ñoä phaân giaûi vaø maøu saéc ôû cheá ñoä cao, toác ñoä coù theå chaäm laïi.

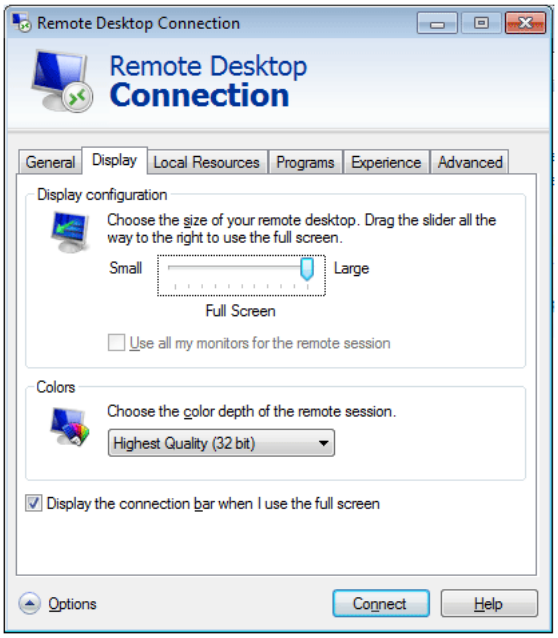

- **Local Resource** : Chæ roõ laø coù söû duïng caùc oå ñóa cöùng vaø caùc coång hay khoâng.

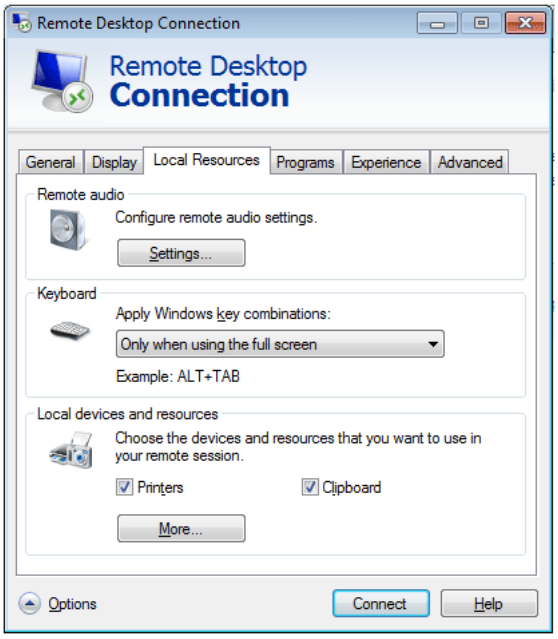

- **Programs** : Chọn một ứng dụng và chỉ định thư mục nơi bạn muốn chạy ứng dụng khi kết nối được thiết lập với máy tính chủ.

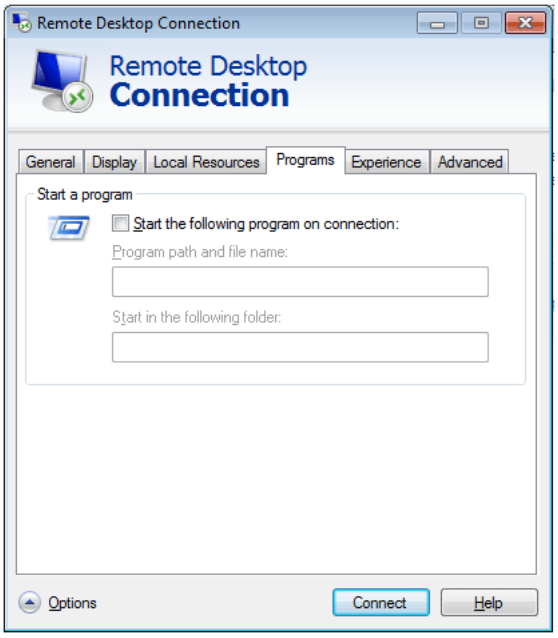

- **Experience** : Chỉ định tốc độ kết nối và các mục trong trình đơn bạn muốn sử dụng trên máy tính từ xa đã được kết nối. Các cài đặt đã chỉ định sẽ được chia sẻ với máy tính chủ.

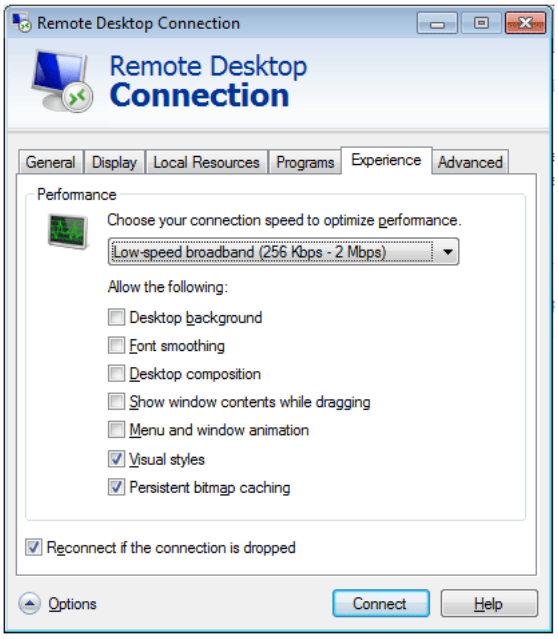

- **Advanced** : Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn khi kết nối được thiết lập.

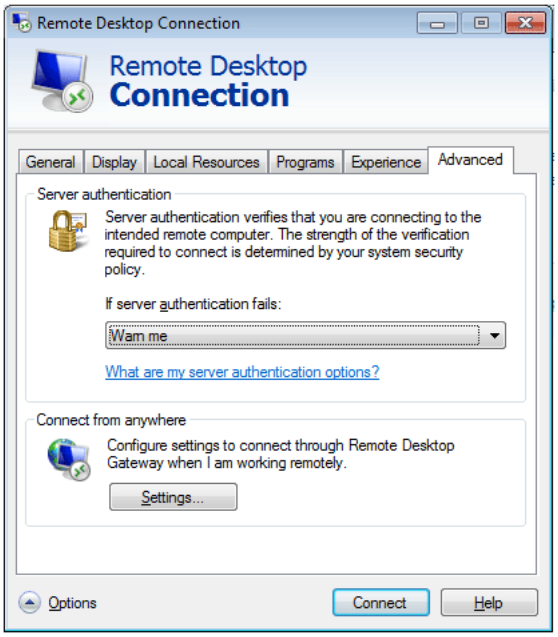

4 Nhấp **Connect**. Hoäp thoaïi Log On to Windows seõ xuaát hieän.

5 Trong hộp thoại “Log On to Windows (Đăng nhập vào Windows)”, gõ tên người dùng, mật khẩu và vùng (nếu cần) của bạn, rồi nhấp **OK**. Cửa sổ **Remote Desktop** sẽ mở ra và bạn sẽ nhìn thấy các cài đặt màn hình, các tệp tin, và các chương trình có trên máy tính chủ.

Để biết thêm thông tin về **Remote Desktop Connections**, vào trang web **Microsoft**.

Internet Explorer

Một máy khách (Client) **WES** bao gồm **Internet Explorer**. Chöông trình naøy cho pheùp ñoái vôùi moïi ngöôøi söû duïng. Trang web **Microsoft**.

Ñeå coù theâm thoâng tin veà Internet Explorer, haõy truy caäp vaøo trang web cuûa Microsoft.

Enhanced Write Filter (EWF)

Enhanced Write Filter (EWF) baûo veä boä nhôù flash khoâng bò ghi vaøo vaø baûo toàn ñoä beàn cuûa thieát bò flash. **EWF** cung caáp ñöôøng daãn ñoïc vaø ghi thoâng qua moät boä nhôù ñeäm ñeán maùy khaùch thay vì cho pheùp truy caäp tröïc tieáp vaøo boä nhôù flash.

Khi **EWF** được kích hoạt, dữ liệu sẽ không được lưu trong bộ nhớ flash. Döõ lieäu löu trong boä nhôù ñeäm chæ coù hieäu löïc khi maùy khaùch ñang hoaït ñoäng. Döõ lieäu trong boä nhôù ñeäm seõ bò maát ñi khi khôûi ñoäng laïi hay taét maùy khaùch cuûa baïn. Vì vaäy, ñeå caát döõ lieäu ñaõ ñöôïc ghi vaøo caùc thö muïc registry, favorites vaø cookie… thì noäi dung trong boä nhôù ñeäm neân ñöôïc chuyeån ñeán boä nhôù flash. Moät thoâng baùo loãi seõ xuaát hieän khi khoâng theå ghi vaøo boä nhôù ñeäm do boä nhôù khoâng ñuû lôùn. Neáu thoâng baùo naøy ñöôïc hieån thò, baïn phaûi taét **EWF** ñeå giaûi phoùng boä nhôù ñeäm **EWF**. Ngöôøi söû duïng coù theå nhaáp keùp vaøo bieåu töôïng **EWF** treân khay ôû goùc döôùi beân phaûi cuûa maøn hình ñeå goïi trình **EWF** Manager. Ngöôøi söû duïng cuõng coù theå thay ñoåi caáu hình **EWF** baèng caùch nhaäp caùc leänh quaûn lyù **EWF** ôû daáu nhaéc leänh. Tác vụ này yêu cầu phải có đặc quyền **Administrator**.

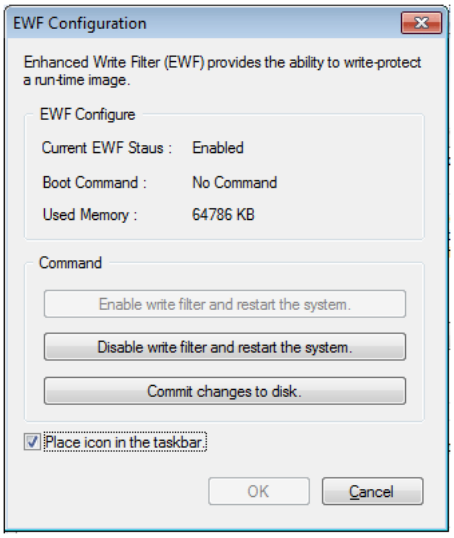
EWF Configuration
Enhanced Write Filter (EWF) provides the ability to write-protect a run-time image.
EWF Configure
Current EWF Staus : Enabled
Boot Command : No Command
Used Memory : 64786 KB
Command
Enable write filter and restart the system.
Disable write filter and restart the system.
Commit changes to disk.
Place icon in the taskbar
OK
Cancel

- **Enable write filter and restart the system.**

  Neáu **EWF** ñaõ ñöôïc taét, kích hoaït noù. Neáu muïc naøy ñöôïc choïn, boä nhôù ñeäm seõ ñöôïc giaûi phoùng vaø **EWF** seõ ñöôïc kích hoaït. Sau khi khôûi ñoäng laïi maùy tính cuûa baïn, caùc caáu hình vaø caùc taäp tin thoâng tin heä thoáng cuûa maùy khaùch seõ ñöôïc ghi vaøo boä nhôù ñeäm. Baïn cuõng coù theå thöïc hieän hoaït ñoäng naøy baèng caùch nhaäp doøng leänh “**ewfmgr.exe c: -enable**” ôû daáu nhaéc leänh vaø khôûi ñoäng laïi maùy tính cuûa baïn.

- **Disable write filter and restart the systems.**

  Muïc naøy seõ ñöôïc kích hoaït khi **EWF** ñang chaïy. Neáu muïc naøy ñöôïc choïn, caùc traïng thaùi hieän thôøi cuûa maùy khaùch (ñaõ ñöôïc löu trong boä nhôù ñeäm) seõ ñöôïc löu trong boä nhôù flash vaø **EWF** ñöôïc taét. Sau khi khôûi ñoäng laïi maùy tính cuûa baïn, caùc caáu hình vaø caùc taäp tin thoâng tin heä thoáng cuûa maùy khaùch seõ ñöôïc ghi vaøo moät boä nhôù flash. Baïn cuõng coù theå thöïc hieän hoaït ñoäng naøy baèng caùch nhaäp doøng leänh "**ewfmgr.exe c: -commitanddisable**" ôû daáu nhaéc leänh vaø khôûi ñoäng laïi maùy tính cuûa baïn.

- **Commit changes to disk.**

  Muïc naøy seõ ñöôïc kích hoaït khi **EWF** ñang chaïy. Neáu muïc naøy ñöôïc choïn, caùc traïng thaùi hieän thôøi cuûa maùy khaùch (ñaõ ñöôïc löu trong boä nhôù ñeäm) seõ ñöôïc löu trong boä nhôù flash. Tuy nhieân, traïng thaùi cuûa **EWF** seõ khoâng ñöôïc thay ñoåi. Baïn cuõng coù theå thöïc hieän hoaït ñoäng naøy baèng caùch nhaäp doøng leänh "**ewfmgr.exe c: -commit**" taïi daáu nhaéc leänh.

  Baïn coù theå xem caùc caáu hình cuûa caùc boä nhôù ñöôïc baûo veä baèng caùch nhaäp "**ewfmgr.exe c:**" taïi daáu nhaéc leänh.

File-Based Write Filter (FBWF)

File-Based Write Filter (FBWF) bảo vệ bộ nhớ của máy khách không bị người sử dụng trái phép ghi đè lên. Bằng cách hạn chế việc ghi quá nhiều vào bộ nhớ, **FBWF** cho phép bạn sử dụng máy khách (client) lâu hơn. Khi yêu cầu tác vụ I/O, **FBWF** sẽ để máy khách (client) thực thi các tiến trình này trên bộ đệm thay vì trên bộ nhớ, nhờ vậy mà bộ nhớ được bảo vệ.

Dữ liệu đã lưu trong bộ đệm được bảo toàn trong khi máy khách (client) hoạt động. Và được xóa đi khi nó khởi động lại hoặc thoát. Để lưu các thay đổi, bạn nên ghi tập tin liên quan lên đĩa bằng lệnh commit. Nếu bạn không biết tập tin nào đã bị thay đổi, hãy tắt(disable) chức năng **FBWF**, và bật lại (enable) sau khi đã thay đổi.

Bạn có thể kiểm soát **FBWF** bằng nhiều tùy chọn khác nhau của lệnh fbwfmgr ngay tại dấu nhắc lệnh.

- **FBWF Configuration**
  - **Current FBWF status** : Hiển thị trạng thái hiện hành của **FBWF** (**Enabled** hoặc **Disabled**).
  - **Boot command** : Hiển thị lệnh **FBWF** sẽ được thực thi trong lần khởi động tiếp theo.
  - **RAM Used by FBEF** : Hiển thị dung lượng bộ nhớ RAM đang được **FBWF** sử dụng. Nếu trạng thái hiện hành được đặt về "**Disabled**", bộ nhớ được sử dụng được hiển thị là 0 KB.
  - **Threshold** : Hiển thị dung lượng bộ nhớ RAM tối đa mà **FBWF** có thể sử dụng.
- **FBWF Command**
  - **Enable the FBWF and reboot the system** : Để bật **FBWF** đã tắt và khởi động máy khách (client). Nếu máy khách (client) không khởi động được, thì chỉ có lệnh boot được chuyển thành BWF_ENABLE và trạng thái hiện hành không bị thay đổi.

- **Disable the FBWF and reboot the system** : Để tắt **FBWF** đã bật và khởi động máy khách (client). Nếu máy khách (client) không khởi động được, thí chỉ có lệnh boot được chuyển thành FBWF_DISABLE và trạng thái hiện hành không bị thay đổi.
- **Commit files** : Ngay cả khi đĩa đã được bảo vệ bởi **FBWF**, bạn vẫn có thể thêm hoặc xóa các tập tin mà bạn muốn lưu lên đĩa. Để ghi các thay đổi lên ổ đĩa, nhấp nút [**Write the changes to the disk**].

- **Session Status**
  - **Current session** : Hiển thị các ổ đĩa được bảo vệ bởi **FBWF** và danh sách các tập tin và thư mục trên các ổ đĩa được bảo vệ bởi **FBWF**.
  - **Next session** : Chọn các ổ đĩa sẽ được bảo vệ bởi **FBWF** trong lần khởi động kế tiếp của máy khách (client). Tương tự, chọn các tập tin và thư mục mà bạn muốn được bảo vệ bởi **FBWF**.

Windows Media Player

Máy khách (Client) **WES** bao gồm **Windows Media Player 12**. Vôùi **Windows Media Player**, baïn coù theå chôi caùc taäp tin aâm thanh vaø video treân moät trang web.

2.3.4 Caáu hình Caùc Tieän ích

Local Drive

- OÅ ñóa C

  OÅ ñóa C ñöôïc söû duïng cho heä thoáng. Hệ điều hành máy khách sẽ không hoạt động nếu không có đủ chỗ trống trên ổ hệ thống. Đảm bảo là có đủ chỗ trống trên ổ C. **EWF** coù theå giuùp duy trì boä nhôù troáng baèng caùch ngaên khoâng cho ghi tröïc tieáp vaøo oå ñóa C.

- Löu Caùc Taäp tin

  Maùy khaùch cuûa baïn seõ söû duïng moät kích thöôùc coá ñònh cuûa boä nhôù flash. Vì vaäy, neân löu caùc taäp tin vaøo maùy chuû hôn laø löu vaøo maùy khaùch cuûa baïn.

AÙnh xaï OÅ ñóa Maïng

Administrator có thể tạo ánh xạ từ một thư mục đến một ổ đĩa mạng. Ñeå giöõ ñöôïc thoâng tin aùnh xaï khi khôûi ñoäng laïi maùy khaùch, haõy ghi chuù nhöõng chæ daãn sau moät caùch caån thaän.

- Chọn **Reconnect** ở hộp chọn đăng nhập trong hộp thoại **Map Network Drive**.
- Nếu bật **EWF** hoặc **FBWF**, các thay đổi sẽ được lưu lên đĩa.

2.3.5 Khoâi phuïc laïi Heä thoáng

Toảng quan

Maùy Khaùch WES cung caáp moät chöùc naêng khoâi phuïc laïi cho pheùp baïn trôû laïi heä thoáng ñaõ ñöôïc löu döï phoøng khi baïn gaëp phaûi moät vaán ñeà nghieâm troïng. Baïn coù theå löu döï phoøng moät baûn sao cuûa Heä ñieàu haønh vaøo boä nhôù USB hay maùy chuû PXE. Baïn coù theå trôû laïi moät baûn sao ñaõ ñöôïc löu döï phoøng khi maùy khaùch cuûa baïn coù moät trong nhöõng truïc traëc sau:

- Khi moät taäp tin heä thoáng bò xoùa khoâng coù chuû ñích hay bò loãi
- Khi maùy khaùch khoâng oån ñònh hay coù truïc traëc vôùi moät trình ñieàu khieån thieát bò
- Khi xaûy ra vaán ñeà, sau khi caøi ñaët moät chöông trình hay thieát môùi
- Khi maùy khaùch bò nhieãm virus.
- Khi Windows Embedded Standard không thể khởi động được khi tập tin hệ thống bị vô ý xóa nhầm hoặc bị lỗi.

Caùch Khoâi phuïc laïi Heä thoáng

- Khoâi phuïc laïi Baèng caùch Söû duïng Boä nhôù USB

  Baèng caùch laøm theo nhöõng böôùc naøy, baïn coù theå löu taát caû caùc taäp tin caàn thieát vaøo boä nhôù USB, vaø khôûi ñoäng heä thoáng vôùi caùc taäp tin heä thoáng ñaõ ñöôïc löu döï phoøng trong boä nhôù USB vaø khoâi phuïc laïi heä thoáng.

  1. Thöïc hieän vieäc ñònh daïng heä thoáng cho boä nhôù USB cuûa baïn ñeå laøm cho noù coù theå khôûi ñoäng heä thoáng ñöôïc.
  2. Löu baûn sao cuûa **Windows Embedded Standard** vaø Caùc Tieän ích Löu döï phoøng/ Khoâi phuïc laïi laø nhöõng döõ lieäu seõ ñöôïc khoâi phuïc laïi vaøo boä nhôù USB sau ñoù.
  3. Khôûi ñoäng heä thoáng vôùi boä nhôù USB.
  4. Khoâi phuïc laïi heä thoáng baèng caùch söû duïng baûn sao cuûa **Windows Embedded Standard** vaø Caùc Tieän ích Löu döï phoøng/Khoâi phuïc laïi trong boä nhôù USB.

- Khoâi phuïc laïi Baèng caùch Söû duïng Network Booting

  Phương pháp này được cung cấp thông qua máy chủ **PXE (Preboot eXecution Environment)** . Maùy chuû PXE cung caáp moät giao dieän maùy khaùch/maùy chuû döïa treân **TCP/IP**, **DHCP** vaø **TFTP**. Noù cho pheùp moät nhaø quaûn trò töø moät vò trí xa coù theå caáu hình vaø khôûi ñoäng heä ñieàu haønh treân moät maùy khaùch thoâng qua moät maïng.

  - Vaän haønh moät maùy chuû PXE.
  - Löu baûn sao cuûa **Windows Embedded Standard** vaø Caùc Tieän ích Löu döï phoøng/ Khoâi phuïc laïi laø nhöõng döõ lieäu seõ ñöôïc khoâi phuïc laïi vaøo maùy chuû PXE.
  - Khôûi ñoäng heä thoáng cuûa maùy khaùch thoâng qua maïng.

Sử dụng "Windows Embedded Standard 7"

- Khoâi phuïc laïi heä thoáng baèng caùch söû duïng baûn sao cuûa Windows Embedded Standard vaø Caùc Tieän ích Löu döï phoøng/Khoâi phuïc laïi ñaõ ñöôïc löu trong maùy chuû PXE thoâng qua maïng.

Ñeå bieát theâm thoâng tin, tham khaûo Taøi lieäu Höôùng daãn Söû duïng Maùy chuû PXE.

3 Kết nối và Sử dụng Thiết bị nguồn

3.1 Before Connecting

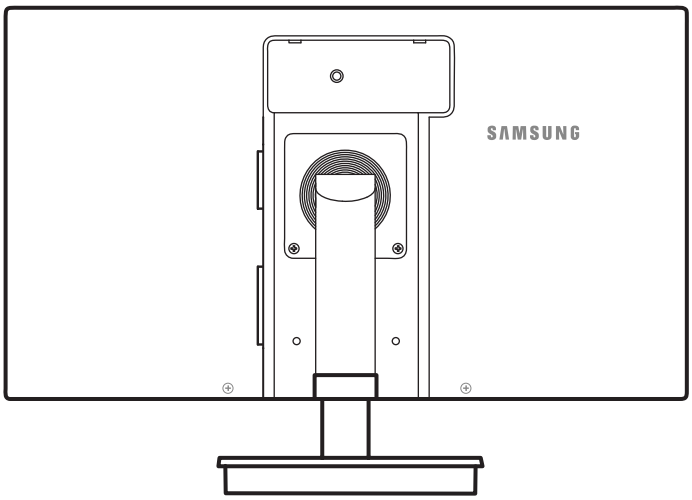

3.1.1 Những điểm cần kiểm tra trước khi kết nối

- Trước khi kết nối một thiết bị nguồn, hãy đọc kỹ sổ tay hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm theo sản phẩm.

  Số lượng và vị trí của các cổng trên thiết bị nguồn có thể khác nhau ở những thiết bị khác nhau.
- Không kết nối cáp nguồn cho tới khi hoàn thành toàn bộ các kết nối.

  Kết nối cáp trong khi đang kết nối có thể làm hỏng sản phẩm.
- Kiểm tra loại của các cổng ở phía sau sản phẩm bạn muốn kết nối.

3.2 Kết nối và sử dụng PC

3.2.1 Kết nối với máy tính

- Sử dụng một phương pháp kết nối phù hợp với máy tính của bạn.

Việc kết nối các bộ phận có thể khác nhau ở các sản phẩm khác nhau.

Kết nối bằng cáp D-SUB (Loại analog)

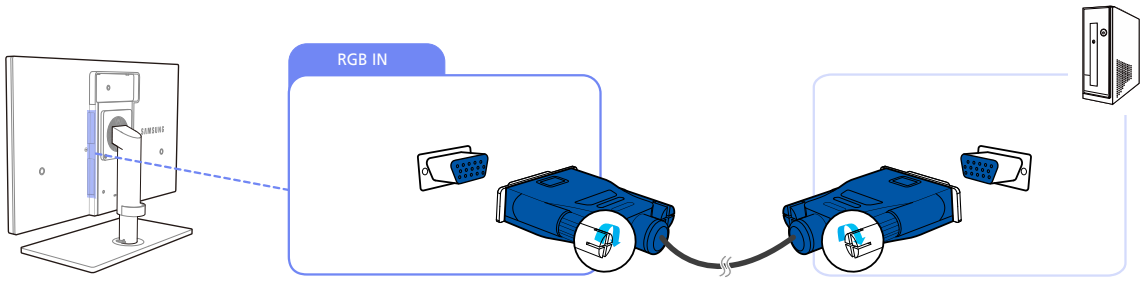

1. Kết nối cáp D-SUB với cổng [RGB IN] trên mặt sau của sản phẩm và cổng RGB trên máy tính.
2. Cắm bộ điều hợp nguồn DC vào sản phẩm và ổ cắm nguồn. Tiếp theo, bật công tắc nguồn ở chân đế.

   (Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "3.3 Kết nối với nguồn".)
3. Nhấn [⏎/⏎] để thay đổi nguồn vào thành **Analog**.

Không có âm thanh nếu máy tính và sản phẩm được kết nối thông qua cổng [D-SUB].

Sử dụng cáp DVI để kết nối

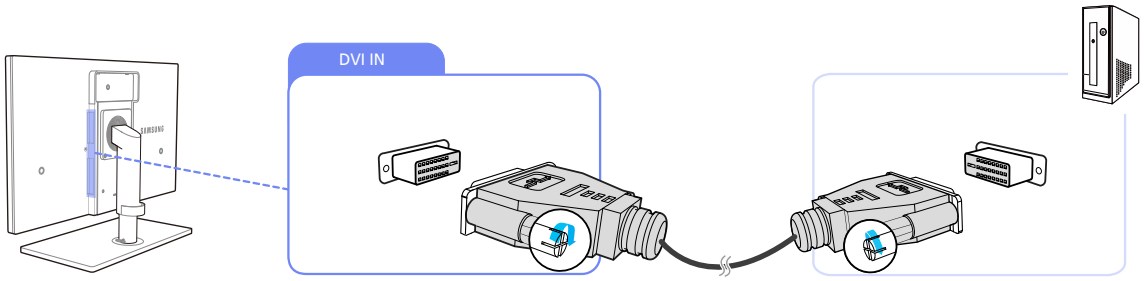

1. Kết nối cáp DVI với cổng [DVI IN] ở phía sau sản phẩm và cổng DVI trên máy tính.
2. Cắm bộ điều hợp nguồn DC vào sản phẩm và ổ cắm nguồn. Tiếp theo, bật công tắc nguồn ở chân đế.

   (Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "3.3 Kết nối với nguồn".)
3. Nhấn [⏎/⏎] để thay đổi nguồn vào thành **Digital**.

Không có âm thanh nếu máy tính và sản phẩm được kết nối thông qua cổng [DVI].

Kết nối sử dụng cáp HDMI-DVI

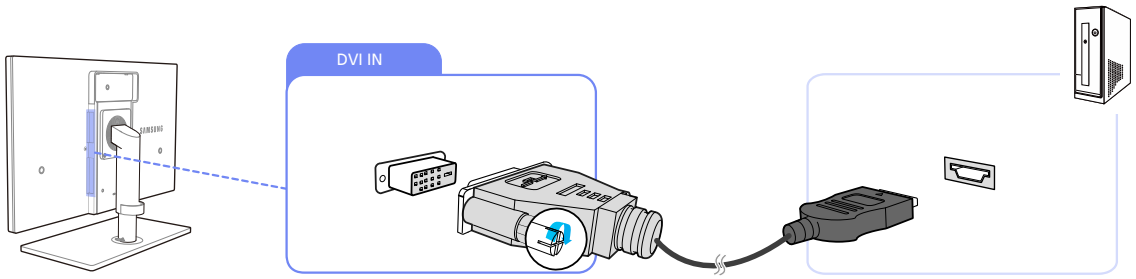

1 Kết nối cáp DVI với cổng [DVI IN] ở phía sau sản phẩm và cổng HDMI trên máy tính.

2 Cắm bộ điều hợp nguồn DC vào sản phẩm và ổ cắm nguồn. Tiếp theo, bật công tắc nguồn ở chân đế.

(Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo "3.3 Kết nối với nguồn".)

3 Nhấn [⇆/↵] để thay đổi nguồn vào thành **Digital**.

Không có âm thanh nếu máy tính và sản phẩm được kết nối thông qua cổng [DVI].

3.2.2 Cài đặt trình điều khiển

- Bạn có thể đặt độ phân giải và tần số tối ưu cho sản phẩm này bằng cách cài đặt các trình điều khiển tương tương cho sản phẩm.
- Trình điều khiển cài đặt được đóng gói trong CD cung cấp kèm theo sản phẩm này.
- Nếu tập tin được cung cấp bị lỗi, hãy truy cập trang chủ Samsung (http://www.samsung.com) và tải tập tin xuống.

1 Đưa đĩa CD sổ tay hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm theo sản phẩm vào ổ đĩa CD-ROM.

2 Nhấp vào "Windows Driver".

3 Hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để tiến hành cài đặt.

4 Chọn mẫu sản phẩm của bạn từ danh sách mẫu.

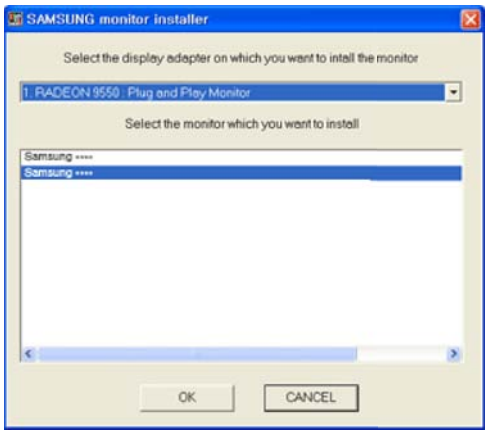
SAMSUNG monitor installer
Select the display adapter on which you want to intall the monitor
1. RADEON 9550 : Plug and Play Monitor
Select the monitor which you want to install
Samsung ****
Samsung ****
OK
CANCEL

5 Hãy đi đến Display Properties (Thuộc tính Màn hình) và kiểm tra độ phân giải và tỷ lệ làm tươi là phù hợp.

Hãy tham khảo sổ tay hướng dẫn về Hệ điều hành Windows để biết thêm chi tiết.

3.2.3 Thiết lập độ phân giải tối ưu

Một thông báo thông tin về việc thiết lập độ phân giải tối ưu sẽ xuất hiện nếu bạn bật nguồn sản phẩm lần đầu tiên sau khi mua.

Chọn ngôn ngữ và thay đổi độ phân giải thành giá trị tối ưu.

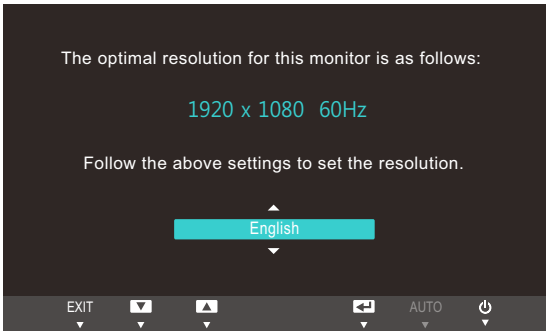
The optimal resolution for this monitor is as follows:
1920 x 1080 60Hz
Follow the above settings to set the resolution.
English
EXIT
AUTO

1 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến ngôn ngữ bạn muốn và nhấn [⏎].

2 Để ẩn thông báo thông tin, hãy nhấn [**MENU**].

- Nếu độ phân giải tối ưu không được chọn, thông báo này sẽ xuất hiện tối đa ba lần trong khoảng thời gian chỉ định ngay cả khi tắt và bật lại sản phẩm.
- Bạn cũng có thể chọn độ phân giải tối ưu trong **Pa-nen điều khiển** trên máy tính.

3.2.4 Thay đổi độ phân giải bằng máy tính

- Điều chỉnh độ phân giải và tỷ lệ làm tươi trong Control Panel (Bảng điều khiển) trên PC để thu được chất lượng hình ảnh tối ưu.
- Chất lượng hình ảnh của TFT-LCD có thể suy giảm nếu không chọn độ phân giải tối ưu.

Thay đổi độ phân giải trên WIndows XP

Đi tới **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và thay đổi độ phân giải.

1

2

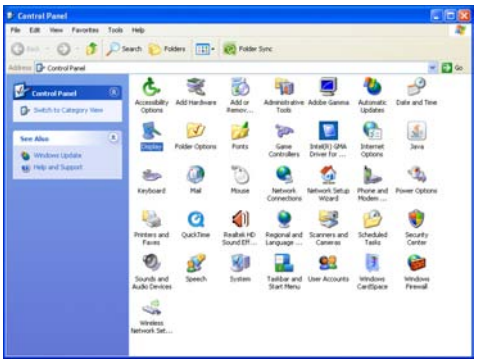

3

Thay đổi độ phân giải trên Windows Vista

Đi tới **Pa-nen điều khiển** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** và thay đổi độ phân giải.

1

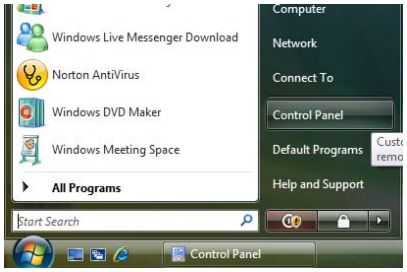

2

3

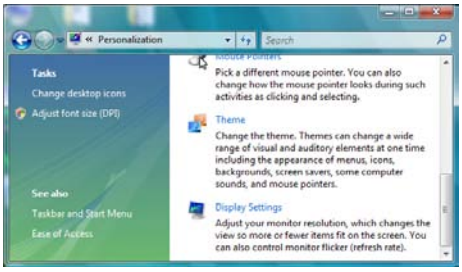
Personalization
Search
Tasks
Change desktop icons
Adjust font size (DPI)
See also
Taskbar and Start Menu
Ease of Access
Pick a different mouse pointer. You can also change how the mouse pointer looks during such activities as clicking and selecting.
Theme
Change the theme. Themes can change a wide range of visual and auditory elements at one time including the appearance of menus, icons, backgrounds, screen savers, some computer sounds, and mouse pointers.
Display Settings
Adjust your monitor resolution, which changes the view so more or fewer items fit on the screen. You can also control monitor flicker (refresh rate).

4

Thay đổi độ phân giải trên Windows 7

Đi tới **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Độ phân giải màn hình** và thay đổi độ phân giải.

1

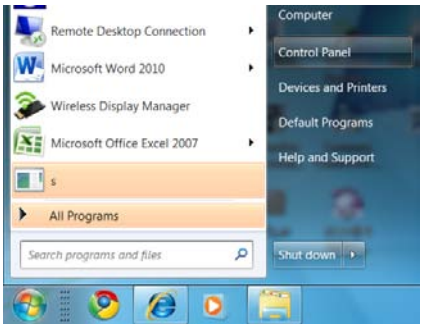

2

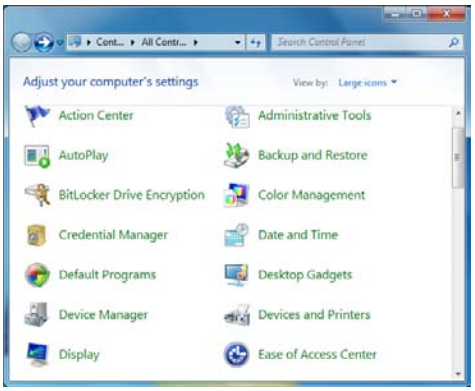

3

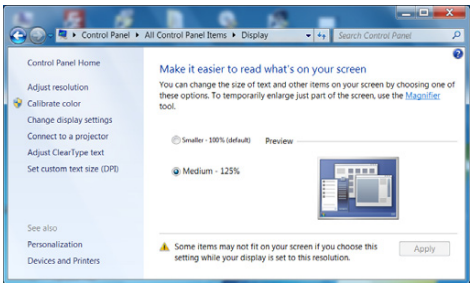

4

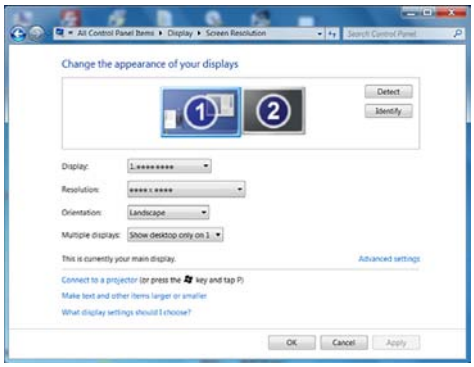

3.3 Kết nối với nguồn

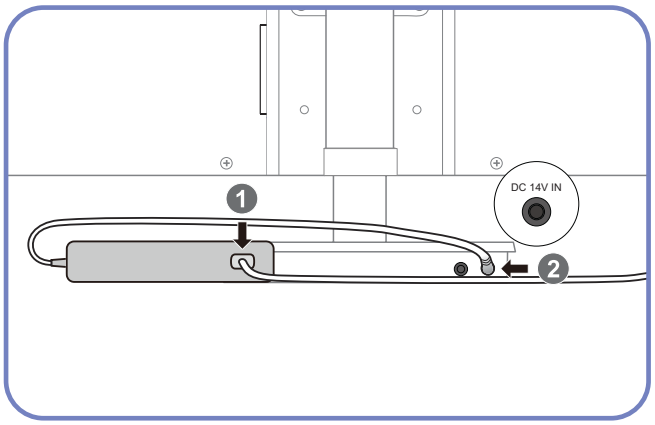

Cắm cáp nguồn vào bộ điều hợp DC. Tiếp theo, cắm bộ điều hợp DC vào [DC 14V IN] ở chân đế.

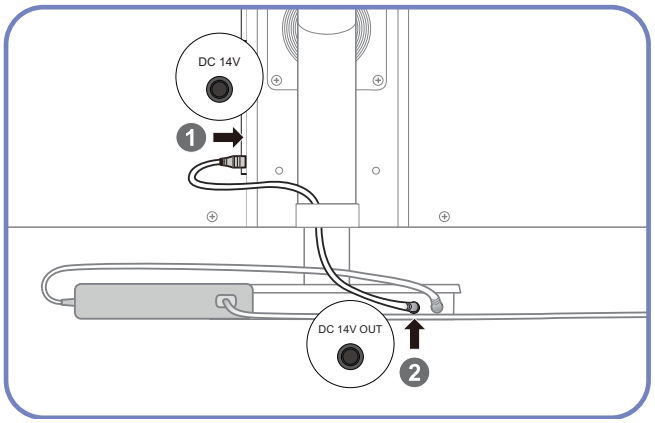

Cắm cáp nguồn nối dài vào [DC 14V] trên màn hình và [DC 14V OUT] ở chân đế.

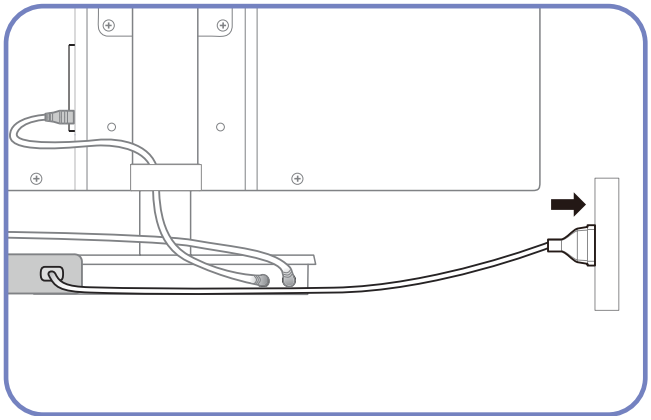

Cắm cáp nguồn vào ổ cắm.

Không thể gắn bộ điều hợp nguồn DC vào mặt sau của màn hình.

4 Thiết lập màn hình

Đặt cấu hình các cài đặt màn hình như độ sáng và tông màu.

4.1 Brightness

Điều chỉnh độ sáng chung của hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ làm cho hình ảnh trông sáng hơn.

Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** được đặt ở chế độ **Dynamic Contrast**.

4.1.1 Đặt cấu hình cho Brightness

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Brightness** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

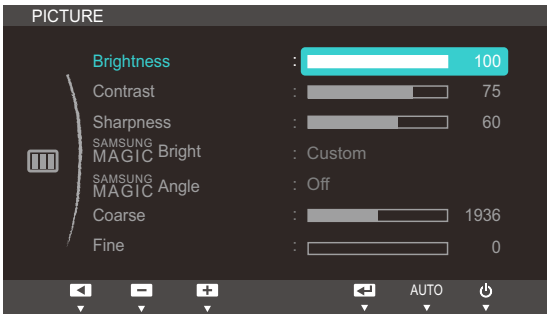

4. Điều chỉnh **Brightness** bằng nút [▲/▼].

4.2 Contrast

Điều chỉnh độ tương phản giữa các đối tượng và nền. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ làm tăng độ tương phản làm cho đối tượng trông rõ hơn.

- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** đang ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.
- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.

4.2.1 Đặt cấu hình Contrast

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Contrast** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

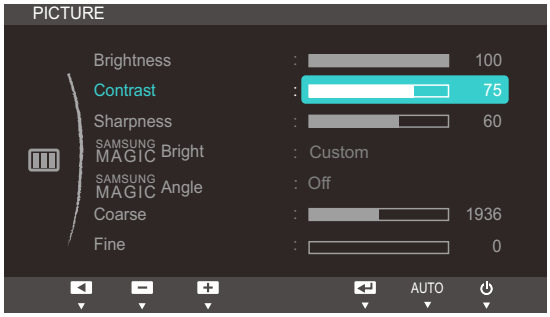

4. Điều chỉnh **Contrast** bằng nút [▲/▼].

4.3 Sharpness

Làm cho đường viền đối tượng rõ hơn hoặc mờ hơn. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ làm cho đường viền đối tượng rõ hơn.

- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** đang ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.
- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.

4.3.1 Đặt cấu hình Sharpness

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Sharpness** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

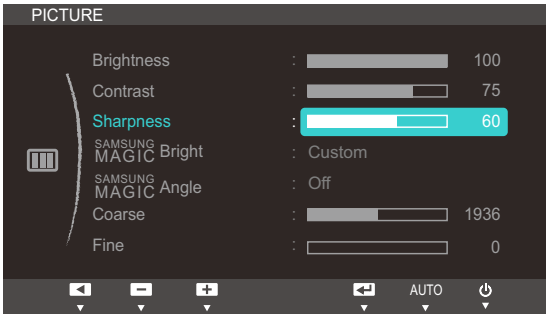

4. Điều chỉnh **Sharpness** bằng nút [▲/▼].

4.4 SAMSUNG MAGIC Bright

Menu này cung cấp chất lượng hình ảnh tối ưu phù hợp với môi trường mà sản phẩm sẽ được sử dụng.

Menu này không có sẵn khi SAMSUNG MAGIC**Angle** đang bật.

Tính năng này cung cấp góc xem, độ sáng và tông màu phù hợp với sở thích của bạn.

4.4.1 Đặt cấu hình SAMSUNG MAGIC Bright

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến SAMSUNG MAGIC**Bright** và nhấn [⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

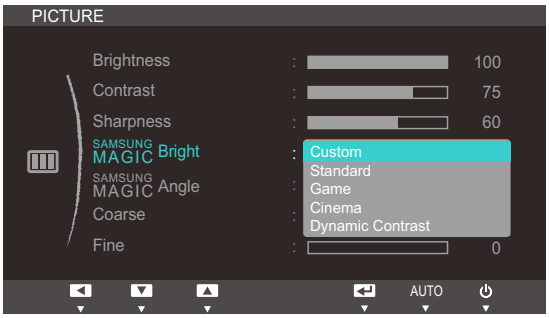

- **Custom**: Tùy chỉnh độ tương phản và độ sáng như yêu cầu.
- **Standard**: Đạt được chất lượng hình ảnh phù hợp cho chỉnh sửa tài liệu hoặc sử dụng Internet.
- **Game**: Đạt được chất lượng hình ảnh phù hợp cho chơi trò chơi có nhiều hiệu ứng đồ họa và di chuyển sống động.
- **Cinema**: Đạt được độ sáng và độ nét của TV phù hợp để thưởng thức nội dung video và DVD.
- **Dynamic Contrast**: Đạt được độ sáng cân bằng thông qua điều chỉnh độ tương phản tự động.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

4.5 SAMSUNG MAGIC Angle

SAMSUNG MAGIC**Angle** cho phép bạn đặt cấu hình các cài đặt để có được chất lượng hình ảnh tối ưu theo góc xem của bạn.

- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** đang ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.
- Menu này không có sẵn khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang bật.

Tính năng này cung cấp góc xem, độ sáng và tông màu phù hợp với sở thích của bạn.

4.5.1 Đặt cấu hình SAMSUNG MAGIC Angle

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến SAMSUNG MAGIC**Angle** và nhấn [⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

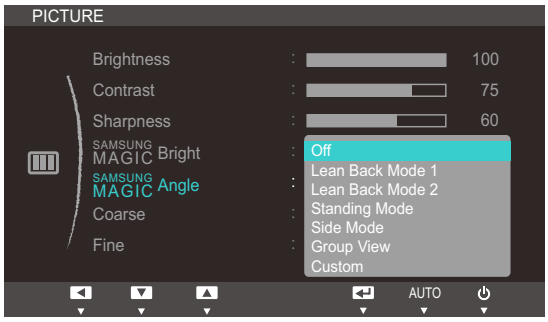

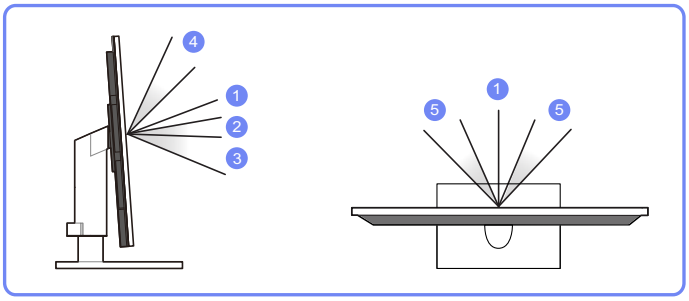

- **Off** ①: Chọn tùy chọn này để xem ở ngay phía trước sản phẩm.
- **Lean Back Mode 1** ②: Chọn tùy chọn này để xem ở vị trí hơi thấp hơn so với sản phẩm.
- **Lean Back Mode 2** ③: Chọn tùy chọn này để xem ở vị trí thấp hơn chế độ Lean Back Mode 1.
- **Standing Mode** ④: Chọn tùy chọn này để xem ở vị trí cao hơn so với sản phẩm.
- **Side Mode** ⑤: Chọn tùy chọn này để xem ở bên cạnh sản phẩm.
- **Group View**: Chọn tùy chọn này cho nhiều người xem để xem từ các vị trí ①, ④ và ⑤.
- **Custom**: **Lean Back Mode 1** sẽ được áp dụng theo mặc định nếu **Custom** được chọn.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

4.6 Coarse

Điều chỉnh tần số màn hình.

Chỉ có sẵn trong chế độ **Analog**.

4.6.1 Điều chỉnh Coarse

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Coarse** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

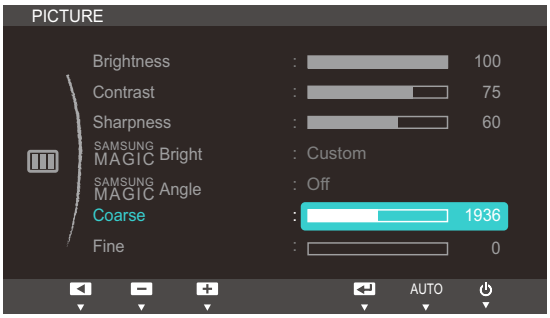

4. Điều chỉnh **Coarse** bằng nút [▲/▼].

4.7 Fine

Tinh chỉnh màn hình để đạt được hình ảnh sống động.

Chỉ có sẵn trong chế độ **Analog**.

4.7.1 Điều chỉnh Fine

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PICTURE** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Fine** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

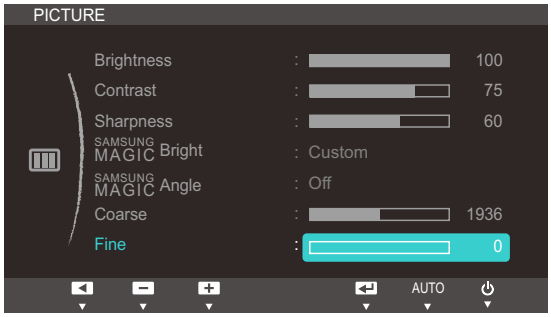

4. Điều chỉnh **Fine** bằng nút [▲/▼].

5 Đặt cấu hình tông màu

Điều chỉnh tông màu của màn hình. Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Bright** được đặt ở chế độ **Cinema** hoặc **Dynamic Contrast**.

5.1 SAMSUNG MAGIC Color

SAMSUNG MAGIC**Color** là công nghệ cải thiện chất lượng hình ảnh mới được Samsung phát triển độc lập, mang lại màu sắc tự nhiên sống động mà không làm giảm chất lượng hình ảnh.

Menu này không có sẵn khi SAMSUNG MAGIC**Angle** đang bật.

5.1.1 Đặt cấu hình SAMSUNG MAGIC Color

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến SAMSUNG MAGIC**Color** và nhấn [⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

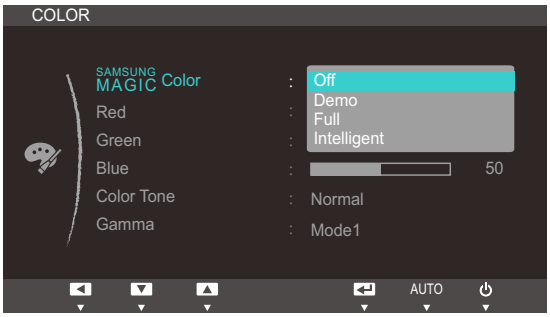

- **Off**: Tắt SAMSUNG MAGIC**Color**.
- **Demo**: So sánh chế độ màn hình bình thường với chế độ SAMSUNG MAGIC**Color**.
- **Full**: Đạt được chất lượng hình ảnh sống động cho tất cả khác khu vực bao gồm các màu sặc sỡ trong hình ảnh.
- **Intelligent**: Cải thiện sắc độ cho tất cả cá khu vực trừ các màu sặc sỡ trong hình ảnh.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

5.2 Red

Điều chỉnh giá trị của màu đỏ trong hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ tăng mật độ của màu đỏ.

Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.

5.2.1 Đặt cấu hình Red

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Red** và nhấn [⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

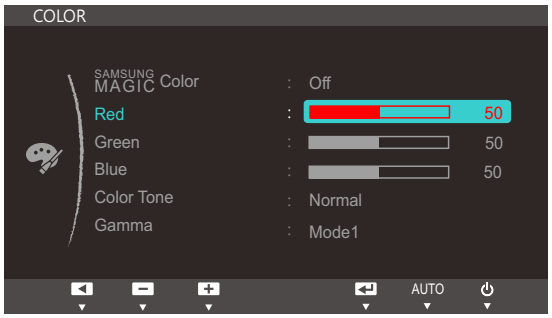

4. Điều chỉnh **Red** bằng nút [▲/▼].

5.3 Green

Điều chỉnh giá trị của màu xanh lá cây trong hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ tăng mật độ của màu đỏ.

Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.

5.3.1 Đặt cấu hình Green

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Green** và nhấn [⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

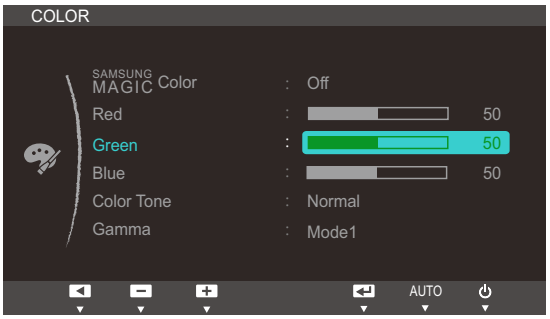

4. Điều chỉnh **Green** bằng nút [▲/▼].

5.4 Blue

Điều chỉnh giá trị của màu xanh dương trong hình ảnh. (Phạm vi: 0~100)

Giá trị cao hơn sẽ tăng mật độ của màu đỏ.

Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.

5.4.1 Đặt cấu hình Blue

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Blue** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

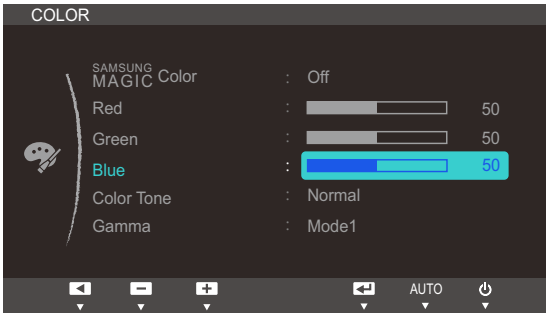

4. Điều chỉnh **Blue** bằng nút [▲/▼].

5 Đặt cấu hình tông màu

5.5 Color Tone

Điều chỉnh tông màu chung của hình ảnh.

- Menu này không khả dụng khi SAMSUNG MAGIC**Color** đang ở chế độ **Full** hoặc **Intelligent**.
- Menu này không có sẵn khi SAMSUNG MAGIC**Angle** đang bật.

5.5.1 Cấu hình cài đặt Color Tone

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Color Tone** và nhấn [⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

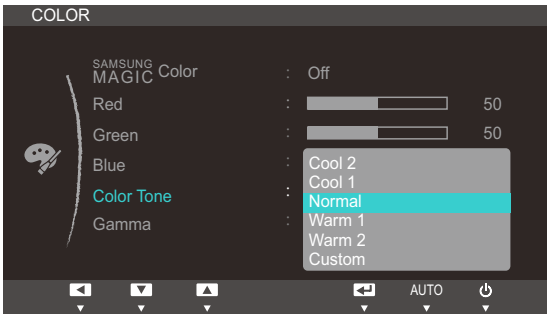

- **Cool 2**: Đặt nhiệt độ màu thành mát hơn **Cool 1**.
- **Cool 1**: Đặt nhiệt độ màu thành mát hơn chế độ **Normal**.
- **Normal**: Hiển thị tông màu tiêu chuẩn.
- **Warm 1**: Đặt nhiệt độ màu thành ấm hơn chế độ **Normal**.
- **Warm 2**: Đặt nhiệt độ màu thành ấm hơn **Warm 1**.
- **Custom**: Tùy chỉnh tông màu.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

5.6 Gamma

Điều chỉnh độ sáng trung bình (Gamma) của hình ảnh.

Menu này không có sẵn khi SAMSUNG MAGIC**Angle** đang bật.

5.6.1 Đặt cấu hình Gamma

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **COLOR** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Gamma** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

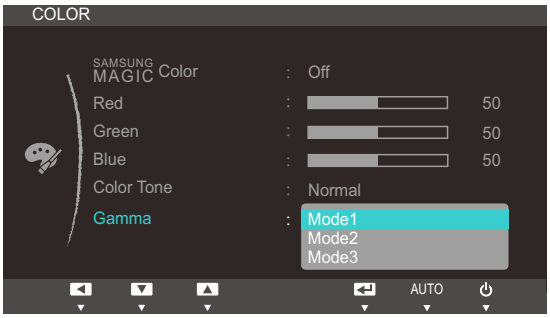

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⮌/⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

6 Thay đổi kích thước hoặc định vị lại màn hình

6.1 H-Position & V-Position

H-Position: Di chuyển màn hình sang trái hoặc sang phải.

V-Position: Di chuyển màn hình lên hoặc xuống.

Chỉ có sẵn trong chế độ **Analog**.

6.1.1 Đặt cấu hình H-Position & V-Position

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SIZE&POSITION** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để chuyển sang **H-Position** hoặc **V-Position** và nhấn [⏎]. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

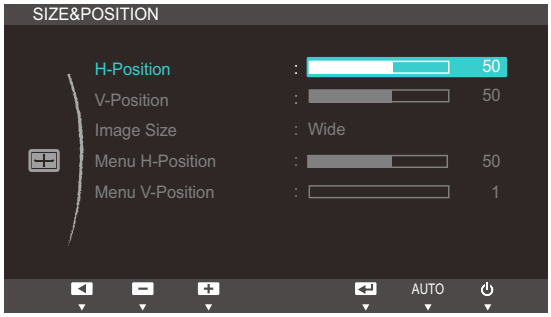

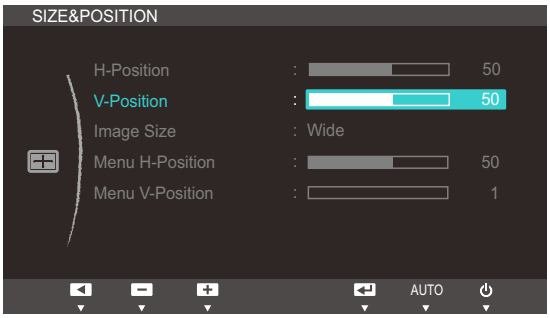

4. Nhấn [▲/▼] để đặt cấu hình **H-Position** hoặc **V-Position**.

6 Thay đổi kích thước hoặc định vị lại màn hình

6.2 Image Size

Thay đổi kích thước hình ảnh.

6.2.1 Thay đổi Image Size Hình ảnh

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SIZE&POSITION** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Image Size** và nhấn [⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

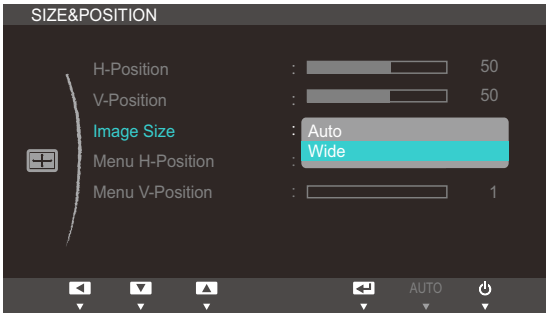

- **Auto**: Hiển thị hình ảnh theo tỷ lệ khung hình của nguồn vào.
- **Wide**: Hiển thị hình ảnh trong chế độ toàn màn hình bất kể tỷ lệ khung hình của nguồn vào.

- **4:3**: Hiển thị hình ảnh với tỷ lệ khung hình 4:3.
- **Wide**: Hiển thị hình ảnh trong chế độ toàn màn hình bất kể tỷ lệ khung hình của nguồn vào.
- **Screen Fit**: Hiển thị hình ảnh với tỷ lệ khung hình gốc mà không bị cắt bỏ.

Có thể thay đổi kích cỡ màn hình khi các điều kiện sau được đáp ứng.

- Thiết bị đầu ra kỹ thuật số được kết nối bằng cáp DVI/DP.
- Tín hiệu đầu vào là 480p, 576p, 720p, 1080i hoặc 1080p.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

6 Thay đổi kích thước hoặc định vị lại màn hình

6.3 Menu H-Position & Menu V-Position

Menu H-Position: Di chuyển vị trí menu sang trái hoặc sang phải.

Menu V-Position: Di chuyển vị trí menu lên hoặc xuống.

6.3.1 Đặt cấu hình Menu H-Position & Menu V-Position

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SIZE&POSITION** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để chuyển sang **Menu H-Position** hoặc **Menu V-Position** và nhấn [⮌/⏎]. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

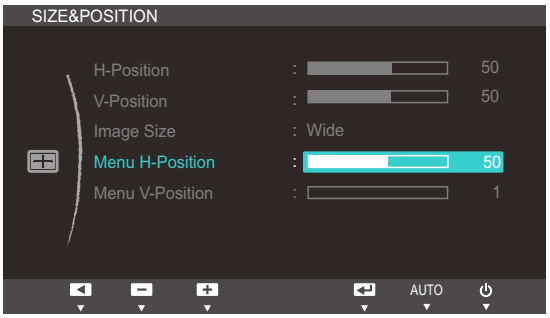

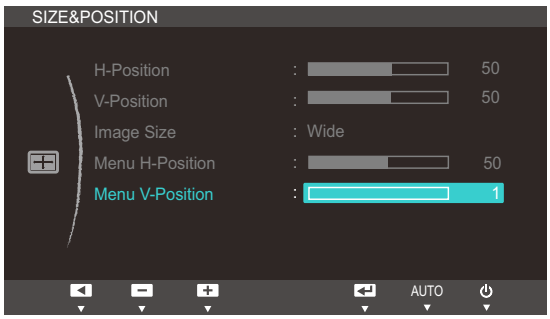

4. Nhấn [▲/▼] để đặt cấu hình **Menu H-Position** hoặc **Menu V-Position**.

7 Thiết lập và khôi phục

7.1 Reset

Đặt tất cả các cài đặt của sản phẩm trở về cài đặt xuất xưởng mặc định.

7.1.1 Bắt đầu cài đặt (Reset)

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/↵] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Reset** và nhấn [⮌/↵] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

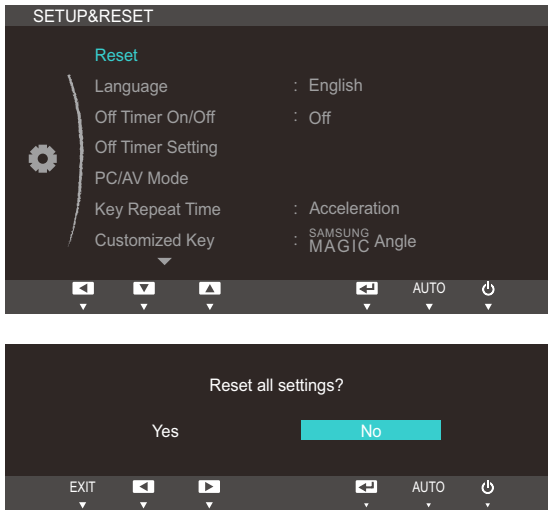

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⮌/↵].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

7.2 Language

Cài đặt ngôn ngữ trình đơn.

- Thay đổi cài đặt ngôn ngữ sẽ chỉ được áp cho hiển thị trình đơn trên màn hình.
- Thay đổi này sẽ không được áp cho những tính năng khác trên máy tính.

7.2.1 Thay đổi Language

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/↵] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Language** và nhấn [⮌/↵] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

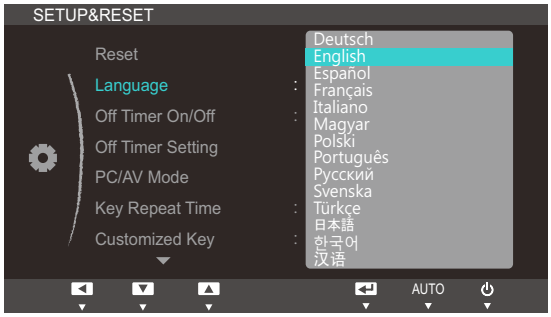

4. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến ngôn ngữ bạn muốn và nhấn [⮌/↵].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

7.3 Off Timer On/Off

Bật hoặc tắt chức năng hẹn giờ tắt để tự động tắt nguồn sản phẩm.

7.3.1 Đặt cấu hình Off Timer On/Off

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Off Timer On/Off** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

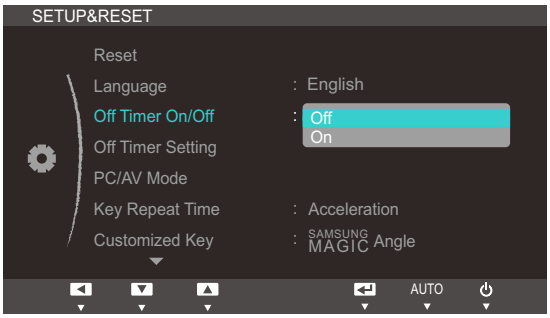

- **Off**: Tắt chức năng hẹn giờ tắt để sản phẩm không tự động tắt nguồn.
- **On**: Kích hoạt chức năng hẹn giờ tắt để sản phẩm tự động tắt nguồn.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⮌/⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

7.4 Off Timer Setting

Có thể đặt hẹn giờ tắt trong khoảng từ 1 đến 23 tiếng. Sản phẩm sẽ tự động tắt nguồn sau số tiếng đã chỉ định.

Menu này chỉ khả dụng khi **Off Timer On/Off** được đặt ở **On**.

7.4.1 Đặt cấu hình Off Timer Setting

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Off Timer Setting** và nhấn [⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

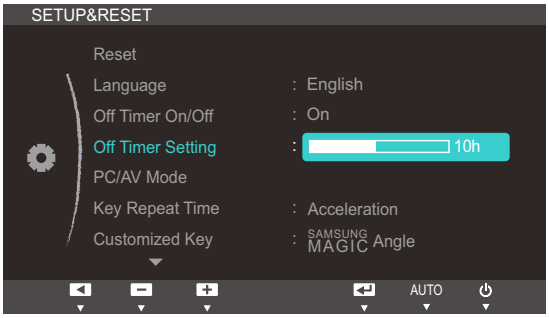

4. Nhấn [▲/▼] để đặt cấu hình **Off Timer Setting**.

7.5 PC/AV Mode

Đặt **PC/AV Mode** là **AV**. Kích thước ảnh này sẽ được phóng to. Tùy chọn này hữu ích khi bạn xem phim.

PC/AV Mode chỉ sẵn có trong chế độ **Digital**.

7.5.1 Đặt cấu hình PC/AV Mode

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **PC/AV Mode** và nhấn [⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

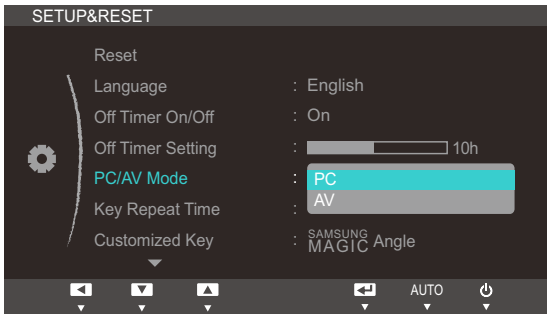

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

7.6 Key Repeat Time

Điều khiển tốc độ đáp ứng của một nút khi nút đó được nhấn.

7.6.1 Đặt cấu hình Key Repeat Time

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Key Repeat Time** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

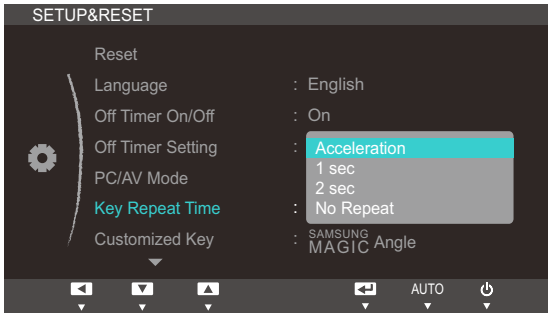

- Có thể chọn **Acceleration**, **1 sec** hoặc **2 sec**. Nếu **No Repeat** được chọn, một lệnh sẽ chỉ đáp ứng một lần khi nhấn một nút.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⮌/⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

7.7 Customized Key

Bạn có thể tùy chỉnh **Customized Key** như sau.

7.7.1 Cấu hình Customized Key

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Customized Key** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

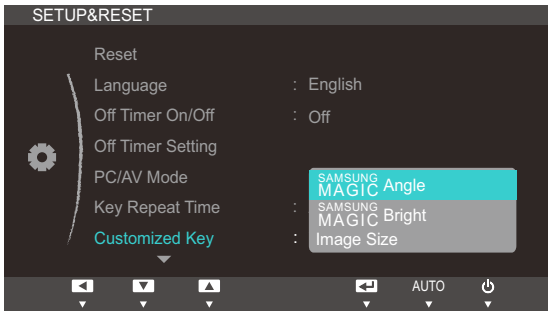

- SAMSUNG MAGIC**Angle** - SAMSUNG MAGIC**Bright** - **Image Size**

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⮌/⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

7.8 Auto Source

Kích hoạt **Auto Source**.

7.8.1 Đặt cấu hình Auto Source

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Auto Source** và nhấn [⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

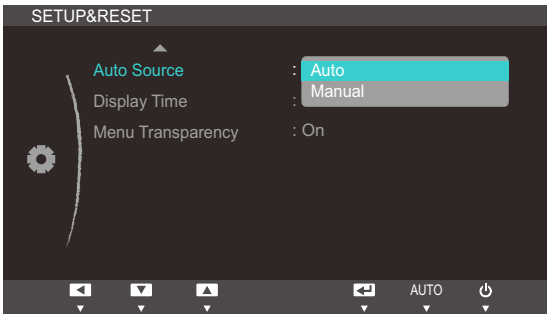

- **Auto**: Nguồn vào được nhận diện tự động.
- **Manual**: Chọn nguồn vào theo cách thủ công.

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

7.9 Display Time

Đặt menu hiển thị trên màn hình (OSD) thành tự động biến mất nếu menu không được sử dụng trong khoảng thời gian đã chỉ định.

Có thể sử dụng **Display Time** để chỉ định khoảng thời gian mà bạn muốn menu OSD biến mất sau đó.

7.9.1 Đặt cấu hình Display Time

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Display Time** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

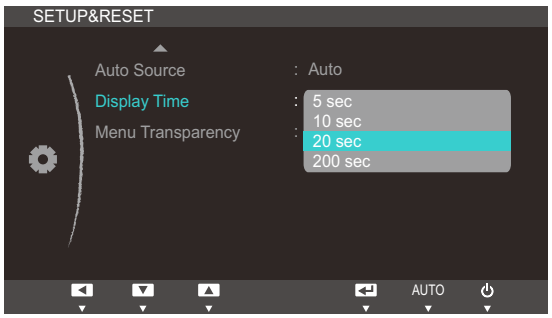

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⮌/⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

7.10 Menu Transparency

Cài đặt độ trong suốt cho các cửa sổ trình đơn:

7.10.1 Thay đổi Menu Transparency

1. Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.
2. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **SETUP&RESET** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm.
3. Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **Menu Transparency** và nhấn [⮌/⏎] trên sản phẩm. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

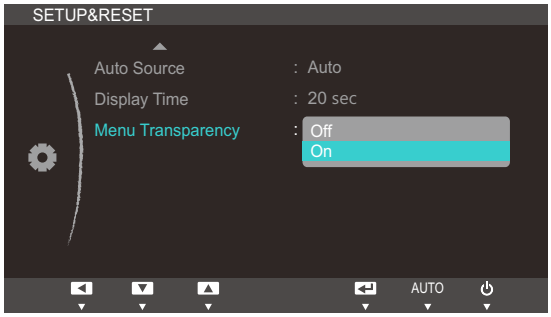

4. Ấn [▲/▼] để chuyển sang tùy chọn bạn cần và ấn [⮌/⏎].
5. Tùy chọn được chọn sẽ được áp.

8 Menu INFORMATION và các thông tin khác

8.1 INFORMATION

Hiển thị nguồn vào, tần số và độ phân giải hiện tại.

8.1.1 Hiển thị INFORMATION

1 Nhấn [**MENU**] trên sản phẩm.

2 Nhấn [▲/▼] để di chuyển đến **INFORMATION**. Nguồn vào, tần số và độ phân giải hiện tại sẽ xuất hiện.

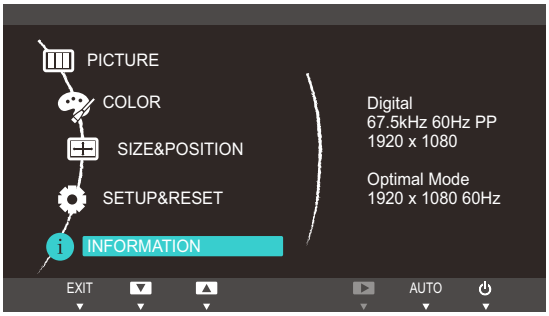

Hình ảnh hiển thị có thể khác nhau tùy theo kiểu máy.

8.2 Cấu hình Brightness trên Màn hình khởi động

Điều chỉnh **Brightness** bằng nút [⊙] trong màn hình khởi động khi không có sẵn menu hiển thị trên màn hình nào.

1 Nhấn nút [⊙] khi màn hình bắt đầu được hiển thị. Màn hình sau đây sẽ xuất hiện.

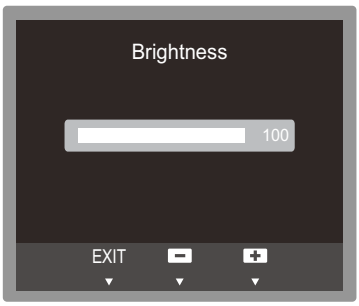

2 Điều chỉnh **Brightness** bằng nút [▲/▼].

9 Cài đặt phần mềm

9.1 Natural Color

9.1.1 Play Touch là gì?

Một trong những vấn đề với việc sử dụng máy tính là màu sắc bạn nhìn thấy trên màn hình khác với màu sắc của màn hình được in hoặc khác tín hiệu đầu vào hình ảnh nguồn qua máy scan hoặc máy ảnh kỹ thuật số. Natural Color là một hệ thống quản lý màu được phát triển bởi Công ty Điện tử SamSung để khắc phục vấn đề này. Phần mềm này chỉ hoạt động với các sản phẩm Samsung và cho phép bạn điều chỉnh màu sắc được hiển thị trên màn hình để nó khớp với màu sắc của màn hình được in. Để biết thêm thông tin chi tiết, tham khảo trợ giúp trực tuyến của phần mềm (F1).

Chương trình phần mềm Natural Color (Màu sắc tự nhiên) được cung cấp trực tuyến. Bạn có thể tải chương trình này từ trang web dưới đây để cài đặt:

http://www.samsung.com/us/consumer/learningresources/monitor/naturalcolorexpert/pop_download.html

9.2 MultiScreen

Tính năng MultiScreen cho phép người dùng có thể chia màn hình ra nhiều khu vực.

9.2.1 Cài đặt phần mềm

1. Đưa đĩa CD cài đặt vào ổ đĩa CD-ROM.
2. Chọn chương trình cài đặt "MultiScreen".

   Nếu màn hình pop-up của chương trình cài đặt không xuất hiện trên màn hình chính, hãy tìm và nhấp kép vào tập tin "MultiScreen" trên CD-ROM.

3. Khi màn hình Installation Wizard xuất hiện, nhấp [**Next (Tiếp tục)**].
4. Hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để tiến hành cài đặt.

   - Phần mềm có thể chưa hoạt động đúng nếu bạn không khởi động lại máy tính sau khi cài đặt.
   - Biểu tượng "MultiScreen" có thể xuất hiện tùy theo hệ thống máy tính và các quy cách của sản phẩm.
   - Nếu biểu tượng phím tắt không xuất hiện, nhấn phím "F5".

Các hạn chế và trục trặc khi cài đặt (MultiScreen)

Cài đặt "MultiScreen " có thể làm ảnh hưởng đến card màn hình, bo mạch chủ và môi trường mạng.

Hệ điều hành

"HĐH"

- "Windows 2000"
- "Windows XP Home Edition"
- "Windows XP Professional"
- "Windows Vista 32Bit"
- "Windows 7 32Bit"

  Để sử dụng "MultiScreen", khuyến cáo sử dụng hệ điều hành Windows 2000 hoặc mới hơn.

"Phần cứng"

- Tối thiểu 32MB bộ nhớ
- Tối thiểu 60MB ổ cứng còn trống

9.2.2 Gỡ bỏ phần mềm

Nhấp [**Start (Bắt đầu)**], chọn [**Settings (Cài đặt)**]/[**Control Panel (Bảng điều khiển)**] và nhấp kép vào [**Add or Remove Programs (Thêm hoặc gỡ bỏ chương trình)**].

Chọn "MultiScreen" từ danh sách và nhấp nút [**Add/Delete**].

9 Cài đặt phần mềm

9.3 MagicRMS Pro

9.3.1 Thông tin về MagicRMS Pro

Chương trình**MagicRMS Pro** có thể được sử dụng để điều khiển màn hình mạng Samsung từ xa. Thiết kế giao diện hướng đến người sử dụng giúp cho việc sử dụng chương trình trở nên dễ dàng và tiện lợi.

Khi sử dụng **MagicRMS Pro**, bạn có thể đặt lịch cho một tác vụ được thực hiện tại một thời điểm nhất định trên màn hình mạng.

Đồng thời, bạn có thể quản lý hiệu quả nhiều màn hình mạng bằng cách ghép nhóm hoặc lọc các màn hình đó theo những điều kiện cụ thể.

Để sử dụng **MagicRMS Pro Solution** hoặc **MagicRMS Pro Agent** và xem hướng dẫn sử dụng, hãy vào trang www.samsunglfd.com. Vào **Support**>**Download Center**, và tìm **MagicRMS** để tải về.

Lưu ý về giấy phép mã nguồn mở

Nếu sử dụng phần mềm mã nguồn mở, có sẵn bản quyền phần mềm mã nguồn mở trên **MagicRMS Pro Agent**.

Lưu ý về giấy phép mã nguồn mở chỉ được viết bằng tiếng Anh.

10 Hướng dẫn xử lý sự cố

10.1 Các yêu cầu trước khi liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung

10.1.1 Kiểm tra sản phẩm

Trước khi gọi điện tới Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung, hãy kiểm tra sản phẩm như sau. Nếu vẫn còn vấn đề, hãy liên hệ Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung.

Kiểm tra xem sản phẩm có hoạt động bình thường không bằng cách sử dụng tính năng kiểm tra sản phẩm.

Nếu màn hình tắt và đèn báo nguồn nhấp nháy mặc dù sản phẩm được kết nối đúng cách với máy tính, hãy thực hiện kiểm tra tự chẩn đoán.

1. Tắt nguồn máy tính và sản phẩm.
2. Rút cáp khỏi sản phẩm.
3. Bật nguồn sản phẩm.
4. Nếu thông báo **Check Signal Cable** xuất hiện, sản phẩm hoạt động bình thường.

   Nếu màn hình bị trống, hãy kiểm tra hệ thống PC, bộ điều khiển video và cáp.

10.1.2 Kiểm tra độ phân giải và tần số

Đối với chế độ vượt quá độ phân giải được hỗ trợ (tham khảo phần "11.3 Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn"), thông báo **Not Optimum Mode** sẽ xuất hiện trong khoảng thời gian ngắn.

10.1.3 Kiểm tra những mục sau đây.

Vấn đề về lắp đặt (chế độ PC)	
Màn hình liên tục bật và tắt.	Kiểm tra rằng cáp được kết nối đúng cách giữa sản phẩm và máy tính và các đầu nối được khóa chặt. (Tham khảo phần "3.2 Kết nối và sử dụng PC")

Vấn đề về màn hình	
Đèn LED bị tắt. Màn hình không bật.	Kiểm tra rằng cáp nguồn được kết nối đúng cách. (Tham khảo phần "3.2 Kết nối và sử dụng PC")

10 Hướng dẫn xử lý sự cố

Vấn đề về màn hình	
Thông báo Check Signal Cable xuất hiện.	Kiểm tra rằng cáp được kết nối đúng cách vào sản phẩm. (Tham khảo phần "3.2 Kết nối và sử dụng PC")
	Kiểm tra xem thiết bị kết nối với với sản phẩm có bật không.
Not Optimum Mode được hiển thị.	Thông báo này sẽ xuất hiện nếu tín hiệu từ card đồ họa vượt quá độ phân giải hoặc tần số tối đa cho sản phẩm.
	Thay đổi độ phân giải và tần số tối đa để phù hợp với hoạt động của sản phẩm, tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn (trang 91).
Hình ảnh trên màn hình bị biến dạng.	Kiểm tra kết nối cáp vào sản phẩm (Tham khảo phần "3.2 Kết nối và sử dụng PC")
Màn hình không rõ. Màn hình bị mờ.	Điều chỉnh **Coarse** (trang 57) và **Fine** (trang 58).
	Gỡ bỏ bất kỳ thiết bị (cáp video nối dài v.v) và thử lại
	Cài đặt độ phân giải và tần số tới mức khuyến cáo. (Tham khảo phần "11.1 Thống số chung")
Màn hình không ổn định và rung.	Kiểm tra rằng độ phân giải và tần số cho máy tính nằm trong phạm vi độ phân giải và tần số tương thích với sản phẩm, và nếu cần, thay đổi các cài đặt, tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn (trang 91) trong sách hướng dẫn này và menu **INFORMATION** trên sản phẩm.
Có bóng hoặc hình ảnh mờ còn lại trên màn hình.	
Màn hình quá sáng. Màn hình quá tối.	Điều chỉnh **Brightness** (trang 52) và **Contrast** (trang 53).
Màu màn hình không đồng nhất.	Thay đổi các cài đặt **COLOR**. (Tham khảo phần " Đặt cấu hình tông màu")
Màu sắc trên màn hình có bóng và bị biến dạng.	Thay đổi các cài đặt **COLOR**. (Tham khảo phần " Đặt cấu hình tông màu")
Màu trắng trông không hẳn là trắng.	Thay đổi các cài đặt **COLOR**. (Tham khảo phần " Đặt cấu hình tông màu")
Không có hình ảnh trên màn hình và đèn LED nhấp nháy trong mỗi 0.5 tới 1 giây.	Sản phẩm đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng.
	Nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím và di chuyển chuột để quay lại màn hình trước.

Hướng dẫn xử lý sự cố

Vấn đề về âm thanh	
Không có âm thanh.	Kiểm tra kết nối của cáp âm thanh hoặc điều chỉnh âm lượng.
	Kiểm tra âm lượng.
Âm lượng quá nhỏ.	Điều chỉnh âm lượng.
	Nếu âm lượng vẫn nhỏ sau khi bật âm lượng đến mức tối đa, hãy điều chỉnh âm lượng trên card âm thanh của máy tính hoặc chương trình phần mềm.

Vấn đề với thiết bị nguồn	
Nghe thấy tiếng bíp khi khởi động máy tính.	Nếu bạn nghe thấy âm thanh bíp khi PC khởi động, hãy đem PC đi bảo dưỡng.

10.2 Hỏi & Đáp

Câu hỏi	Trả lời
Làm thế nào để thay đổi tần số?	Đặt tần số trên card màn hình. • Windows XP: Chọn **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và chủ đề** → **Màn hình** → **Thiết đặt** → **Chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** trong **Thiết đặt màn hình**. • Windows ME/2000: Chọn **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** → **Chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** trong **Thiết đặt màn hình**. • Windows Vista: Chọn **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** trong **Thiết đặt màn hình**. • Windows 7 : Chọn **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** → **Thiết đặt chuyên sâu** → **Màn hình** và điều chỉnh **Tốc độ làm mới** trong **Thiết đặt màn hình**.

Câu hỏi	Trả lời
Làm thế nào để điều chỉnh độ phân giải?	• Windows XP: Đi tới **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và chủ đề** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và điều chỉnh độ phân giải. • Windows ME/2000: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Thiết đặt** và điều chỉnh độ phân giải. • Windows Vista: Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Cá nhân hóa** → **Thiết đặt màn hình** và điều chỉnh độ phân giải. • Windows 7 : Hãy đi đến **Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Màn hình** → **Điều chỉnh độ phân giải** và điều chỉnh độ phân giải.
Làm thế nào để cài đặt tính năng tiết kiệm năng lượng?	• Windows XP: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Hình thức và chủ đề** → **Màn hình** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. • Windows ME/2000: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Màn hình** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. • Windows Vista: Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Tùy chỉnh** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính. • Windows 7 : Cài đặt chế độ tiết kiệm năng lượng trong**Pa-nen điều khiển** → **Diện mạo và cá nhân hóa** → **Tùy chỉnh** → **Cài đặt màn hình chờ** hoặc cài đặt BIOS SETUP trên máy tính.

Tham khảo sách hướng dẫn sử dụng cho máy tính hoặc card đồ họa của bạn để biết thêm các hướng dẫn về điều chỉnh.

11 Các thông số kỹ thuật

11.1 Thống số chung

Tên môđen		TS190W	TS220W	TS240W
Màn hình	**Kích thước**	19 Inch (48 cm)	21,5 Inch (55 cm)	24 inch (61 cm)
	Vùng hiển thị	408,2 mm (H) x 255,2 mm (V)	476,6 mm (H) x 268,1 mm (V)	518,4 mm (H) x 324,0 mm (V)
Đồng bộ hóa	**Tần số quét ngang**	30~81 kHz		
	Tần số quét dọc	56~75 Hz		
Màu sắc hiển thị		16,7 triệu		
Độ phân giải	**Độ phân giải tối ưu**	1440 x 900 @ 60 Hz	1920 x 1080 @ 60 Hz	1920 x 1200 @ 60 Hz
	Độ phân giải tối đa	1440 x 900 @ 60 Hz	1920 x 1080 @ 60 Hz	1920 x 1200 @ 60 Hz
Xung Pixel cực đại		137 MHz (Analog, Kỹ thuật số)	164 MHz (Analog, Kỹ thuật số)	164 MHz (Analog, Kỹ thuật số)
Nguồn điện		Sản phẩm sử dụng điện áp từ 100 đến 240 V. Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.		
Đầu kết nối tín hiệu		Cổng RGB IN (D-Sub), Chỉ cổng DVI		
Đầu nối máy chu		LAN		
USB		USB 2.0 x 6 (Down stream)		
Kích thước (R x C x S) / Trọng lượng	**Có chân đế**	443,0 × 416,8 × 227,0 mm / 4,4 Kg	513,0 × 424,1 × 227,0 mm / 4,9 Kg	560,0 × 444,3 × 227,0 mm / 5,3 Kg
	Không có chân đế	443,0 × 301,9 × 49,5 mm / 3,2 Kg	513,0 × 317,0 × 50,0 mm / 3,6 Kg	560,0 × 374,0 × 50,0 mm / 4,0 Kg
Các yếu tố môi trường	**Vận hành**	Nhiệt độ: 10˚C ~ 40˚C (50˚F ~ 104˚F), Độ ẩm: 10 % ~ 80 %, không ngưng tụ		
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20˚C ~ 45˚C (-4˚F ~ 113˚F), Độ ẩm: 5 % ~ 95 %, không ngưng tụ		
Cắm và Chạy		Có thể lắp đặt màn hình này và sử dụng với bất kỳ hệ thống Cắm và Chạy tương thích nào. Trao đổi dữ liệu hai chiều giữa màn hình và hệ thống PC làm tối ưu cài đặt màn hình. Lắp đặt màn hình được tiến hành tự động. Tuy nhiên bạn có thể tùy chỉnh cài đặt lắp đặt nếu muốn.		

11 Các thông số kỹ thuật

Tên môđen	TS190W	TS220W	TS240W
Panel Dot (Điểm ảnh)	Do tính chất của việc sản xuất sản phẩm này, khoảng 1 phần triệu điểm ảnh (1ppm) có thể sáng hơn hoặc tối hơn trên màn hình. Điều này không ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của sản phẩm.		
VESA (V x H)	100 x 100 mm		

Các thông số kỹ thuật trên đây có thể thay đổi nhằm cải tiến chất lượng mà không thông báo trước.

Thiết bị Loại B (thiết bị liên lạc truyền phát để sử dụng tại nhà)

Thiết bị Loại B này được thiết kế để sử dụng tại nhà, được đăng ký theo các yêu cầu EMC và có thể sử dụng tại tất cả các khu vực.

11.2 Trình tiết kiệm năng lượng

Tính năng tiết kiệm năng lượng của sản phẩm này làm giảm sức tiêu thụ điện năng bằng cách tắt màn hình và đổi màu của đèn LED nếu không sử dụng sản phẩm trong một khoảng thời gian nhất định. Sản phẩm không được tắt trong chế độ tiết kiệm năng lượng. Để bật lại màn hình, hãy nhấn bất kì phím nào trên bàn phím hoặc di chuyển chuột. Tính năng tiết kiệm năng lượng chỉ hoạt động khi sản phẩm được kết nối với PC với tính năng tiết kiệm năng lượng.

Trình tiết kiệm năng lượng	Vận hành bình thường	Chế độ tiết kiệm năng lượng	Tắt nguồn (Nút nguồn tắt)	Tắt nguồn (Công tắc nguồn tắt)
Chỉ báo nguồn	Mở	Tắt	Tắt	Tắt
Lượng tiêu thụ điện năng	TS190W : dưới 45 W	dưới 1,8 W	dưới 1,8 W	0 W
	TS220W : dưới 50 W			
	TS240W : dưới 55 W			

- Mức độ tiêu thụ năng lượng được hiển thị có thể khác nhau trong các điều kiện vận hành khác nhau hoặc khi thay đổi cài đặt.
- Để giảm mức tiêu thụ năng lượng về 0 W, hãy tắt công tắc ở bộ điều hợp hoặc rút cáp nguồn. Đảm bảo rút cáp nguồn khi bạn không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài. Để giảm sự tiêu thụ điện tới 0 wat khi công tắc nguồn không khả dụng, hãy ngắt kết nối cáp nguồn.

11.3 Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn

- Có thể cài đặt sản phẩm này về một độ phân giải duy nhất cho mỗi kích thước màn hình để đạt được chất lượng hình ảnh tối ưu do đặc tính của tấm panel. Do đó, độ phân giải khác độ phân giải được chỉ định có thể làm giảm chất lượng hình ảnh. Để tránh việc này, chúng tôi khuyên bạn bên chọn độ phân giải tối ưu được chỉ định cho kích thước màn hình của sản phẩm của bạn.
- Kiểm tra tần số khi bạn đổi màn hình CDT (kết nối với PC) lấy màn hình LCD. Nếu màn hình LCd không hỗ trợ 85 Hz, hãy đổi tần số dọc tới 60 Hz sử dụng màn hình CDT trước khi bạn đổi sản phẩm để lấy màn hình LCD.

Nếu tín hiệu thuộc các chế độ tín hiệu tiêu chuẩn sau được truyền từ máy tính của bạn, màn hình sẽ được điều chỉnh tự động. Nếu tín hiệu được truyền từ PC không thuộc về chế độ tín hiệu tiêu chuẩn, màn hình có thể bị trống có đèn LED được bật. Trong trường hợp đó, hãy thay đổi cài đặt theo bảng sau đây bằng cách tham khảo sổ tay hướng dẫn sử dụng card màn hình.

TS190W

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

TS220W

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
IBM, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,500	60,000	148,500	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1280 x 800	62,795	74,934	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+

TS240W

Độ phân giải	Tần số quét ngang (kHz)	Tần số quét dọc (Hz)	Xung Pixel (MHz)	Phân cực đồng bộ (H/V)
IBM, 720 x 400	31,469	70,087	28,322	-/+
IBM, 640 x 480	31,469	59,940	25,175	-/-
MAC, 640 x 480	35,000	66,667	30,240	-/-
MAC, 832 x 624	49,726	74,551	57,284	-/-
MAC, 1152 x 870	68,681	75,062	100,000	-/-
VESA, 640 x 480	37,861	72,809	31,500	-/-
VESA, 640 x 480	37,500	75,000	31,500	-/-
VESA, 800 x 600	35,156	56,250	36,000	+/+
VESA, 800 x 600	37,879	60,317	40,000	+/+
VESA, 800 x 600	48,077	72,188	50,000	+/+
VESA, 800 x 600	46,875	75,000	49,500	+/+
VESA, 1024 x 768	48,363	60,004	65,000	-/-
VESA, 1024 x 768	56,476	70,069	75,000	-/-
VESA, 1024 x 768	60,023	75,029	78,750	+/+
VESA, 1152 x 864	67,500	75,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 960	60,000	60,000	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	63,981	60,020	108,000	+/+
VESA, 1280 x 1024	79,976	75,025	135,000	+/+
VESA, 1280 x 800	49,702	59,810	83,500	-/+
VESA, 1440 x 900	55,935	59,887	106,500	-/+
VESA, 1440 x 900	70,635	74,984	136,750	-/+
VESA, 1600 x 1200	75,000	60,000	162,000	+/+
VESA, 1680 x 1050	65,290	59,954	146,250	-/+
VESA,1920 x 1200 (RB)	74,038	59,950	154,000	+/-

Các thông số kỹ thuật

- Tần số quét ngang

  Thời gian để quét một đường nối cạnh trái với cạnh phải của màn hình được gọi là chu kỳ quét ngang. Số nghịch đảo của chu kỳ quét ngang được gọi là tần số quét ngang. Tần số quét ngang được đo bằng kHz.

- Tần số quét dọc

  Lặp lại cùng một hình ảnh hàng chục lần mỗi giây cho phép bạn xem các hình ảnh tự nhiên. Tần số lặp lại được gọi là "tần số dọc" hoặc "tốc độ làm mới" và được biểu thị bằng Hz.

Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE

Nếu có thắc mắc hay góp ý về sản phẩm của Samsung, vui lòng liên hệ với trung tâm chăm sóc khách hàng SAMSUNG.

NORTH AMERICA		
U.S.A	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
CANADA	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com/ca http://www.samsung.com/ch_fr (French)
MEXICO	01-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com

LATIN AMERICA		
ARGENTINA	0800-333-3733	http://www.samsung.com
BRAZIL	0800-124-421 4004-0000	http://www.samsung.com
BOLIVIA	800-10-7260	http://www.samsung.com
CHILE	800-SAMSUNG (726-7864) From mobile 02-482 82 00	http://www.samsung.com
COLOMBIA	01-8000112112	http://www.samsung.com
COSTA RICA	0-800-507-7267	http://www.samsung.com
DOMINICA	1-800-751-2676	http://www.samsung.com
ECUADOR	1-800-10-7267	http://www.samsung.com
EL SALVADOR	800-6225	http://www.samsung.com
GUATEMALA	1-800-299-0013	http://www.samsung.com
HONDURAS	800-27919267	http://www.samsung.com
JAMAICA	1-800-234-7267	http://www.samsung.com
NICARAGUA	00-1800-5077267	http://www.samsung.com
PANAMA	800-7267	http://www.samsung.com
PERU	0-800-777-08	http://www.samsung.com
PUERTO RICO	1-800-682-3180	http://www.samsung.com
TRINIDAD & TOBAGO	1-800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
VENEZUELA	0-800-100-5303	http://www.samsung.com

EUROPE		
ALBANIA	42 27 5755	http://www.samsung.com
AUSTRIA	0810 - SAMSUNG (7267864,€ 0.07/min)	http://www.samsung.com
BELGIUM	02-201-24-18	http://www.samsung.com/be (Dutch) http://www.samsung.com/be_fr (French)
BOSNIA	05 133 1999	http://www.samsung.com
BULGARIA	07001 33 11	http://www.samsung.com
CROATIA	062 SAMSUNG (062 726 7864)	http://www.samsung.com
CZECH	800-SAMSUNG (800-726786)	http://www.samsung.com
	Samsung Electronics Czech and Slovak, s.r.o., Oasis Florenc, Sokolovská 394/17, 180 00, Praha 8	
DENMARK	70 70 19 70	http://www.samsung.com
FINLAND	030 - 6227 515	http://www.samsung.com
FRANCE	01 48 63 00 00	http://www.samsung.com
GERMANY	01805 - SAMSUNG (726-7864,€ 0,14/Min)	http://www.samsung.com
CYPRUS	From landline : 8009 4000	http://www.samsung.com
GREECE	From landline : 80111-SAMSUNG (7267864) From landline & mobile : (+30)210 6897691	http://www.samsung.com
HUNGARY	06-80-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
ITALIA	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
KOSOVO	+381 0113216899	http://www.samsung.com
LUXEMBURG	261 03 710	http://www.samsung.com
MACEDONIA	023 207 777	http://www.samsung.com
MONTENEGRO	020 405 888	http://www.samsung.com
NETHERLANDS	0900 - SAMSUNG (0900-7267864) (€ 0,10/Min)	http://www.samsung.com
NORWAY	815-56 480	http://www.samsung.com
POLAND	0 801-1SAMSUNG (172-678) +48 22 607-93-33	http://www.samsung.com
PORTUGAL	80820-SAMSUNG (808207267)	http://www.samsung.com

EUROPE		
RUMANIA	From landline : 08010-SAMSUNG (7267864) From landline & mobile : (+40)21 206 01 10	http://www.samsung.com
SERBIA	0700 Samsung (0700 726 7864)	http://www.samsung.com
SLOVAKIA	0800 - SAMSUNG (0800-726 786)	http://www.samsung.com
SPAIN	902 - 1 - SAMSUNG (902 172 678)	http://www.samsung.com
SWEDEN	0771 726 7864 (SAMSUNG)	http://www.samsung.com
SWITZERLAND	0848-SAMSUNG (7267864, CHF 0.08/min)	http://www.samsung.com/ch http://www.samsung.com/ch_fr (French)
U.K	0330 SAMSUNG (7267864)	http://www.samsung.com
EIRE	0818 717100	http://www.samsung.com
LITHUANIA	8-800-77777	http://www.samsung.com
LATVIA	8000-7267	http://www.samsung.com
ESTONIA	800-7267	http://www.samsung.com
TURKEY	444 77 11	http://www.samsung.com

CIS		
RUSSIA	8-800-555-55-55	http://www.samsung.com
GEORGIA	8-800-555-555	http://www.samsung.com
ARMENIA	0-800-05-555	http://www.samsung.com
AZERBAIJAN	088-55-55-555	http://www.samsung.com
KAZAKHSTAN	8-10-800-500-55-500 (GSM: 7799)	http://www.samsung.com
UZBEKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
KYRGYZSTAN	00-800-500-55-500	http://www.samsung.com
TADJIKISTAN	8-10-800-500-55-500	http://www.samsung.com
MONGOLIA	-	http://www.samsung.com
UKRAINE	0-800-502-000	http://www.samsung.com/ua http://www.samsung.com/ua_ru

CIS		
BELARUS	810-800-500-55-500	http://www.samsung.com
MOLDOVA	00-800-500-55-500	http://www.samsung.com

ASIA PACIFIC		
AUSTRALIA	1300 362 603	http://www.samsung.com
NEW ZEALAND	0800 SAMSUNG (0800 726 786)	http://www.samsung.com
CHINA	400-810-5858	http://www.samsung.com
HONG KONG	(852) 3698 - 4698	http://www.samsung.com/hk http://www.samsung.com/hk_en/
INDIA	1800 1100 11 3030 8282 1800 3000 8282 1800 266 8282	http://www.samsung.com
INDONESIA	0800-112-8888 021-5699-7777	http://www.samsung.com
JAPAN	0120-327-527	http://www.samsung.com
MALAYSIA	1800-88-9999	http://www.samsung.com
PHILIPPINES	1-800-10-SAMSUNG (726-7864) for PLDT 1-800-3-SAMSUNG (726-7864) for PLDT 1-800-8-SAMSUNG(726-7864) for Globe 02-5805777	http://www.samsung.com
SINGAPORE	1800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
THAILAND	1800-29-3232 02-689-3232	http://www.samsung.com
TAIWAN	0800-329-999 0266-026-066	http://www.samsung.com
VIETNAM	1 800 588 889	http://www.samsung.com

MIDDIE EAST		
IRAN	021-8255	http://www.samsung.com
OMAN	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
KUWAIT	183-2255	http://www.samsung.com

MIDDIE EAST		
BAHRAIN	8000-4726	http://www.samsung.com
EGYPT	08000-726786	http://www.samsung.com
JORDAN	800-22273	http://www.samsung.com
MOROCCO	080 100 2255	http://www.samsung.com
SAUDI ARABIA	9200-21230	http://www.samsung.com
U.A.E	800-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com

AFRICA		
CAMEROON	7095- 0077	http://www.samsung.com
COTE D'LVOIRE	8000 0077	http://www.samsung.com
GHANA	0800-10077 0302-200077	http://www.samsung.com
KENYA	0800 724 000	http://www.samsung.com
NIGERIA	0800-726-7864	http://www.samsung.com
SENEGAL	800-00-0077	http://www.samsung.com
SOUTH AFRICA	0860-SAMSUNG (726-7864)	http://www.samsung.com
TANZANIA	0685 88 99 00	http://www.samsung.com
UGANDA	0800 300 300	http://www.samsung.com

Thuật ngữ

OSD (Hiển thị trên màn hình)

Hiển thị trên màn hình (OSD) cho phép bạn đặt cấu hình các cài đặt trên màn hình để tối ưu hóa chất lượng hình ảnh như yêu cầu. Phần này cho phép bạn thay đổi độ sáng, tông màu, kích thước màn hình và nhiều cài đặt khác bằng các menu được hiển thị trên màn hình.

Coarse

Coarse là tần số của dao động sóng vô tuyến mỗi giây.Tần số cao hơn sẽ truyền được lượng dữ liệu lớn hơn và được phản xạ dễ hơn.Tần số thấp hơn sẽ vượt qua các vật cản dễ hơn và có thể đi xa hơn, nhưng truyền được lượng dữ liệu nhỏ hơn.Menu Coarse cho phép bạn điều chỉnh tần số theo cách thủ công để đạt được chất lượng hình ảnh tối ưu. Điều chỉnh Coarse bằng cách tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn (trang 91) theo hoạt động của sản phẩm của bạn và thưởng thức chất lượng hình ảnh được cải thiện.

Gamma

Menu Gamma điều chỉnh thang màu xám biểu thị tông màu trung gian trên màn hình. Điều chỉnh độ sáng sẽ làm sáng toàn bộ màn hình nhưng điều chỉnh Gamma chỉ làm sáng khu vực trung gian.

Thang màu xám

Thang này đề cập đến các mức mật độ màu sắc, thể hiện các biến thể thay đổi màu sắc từ khu vực tối hơn sang khu vực sáng hơn trên màn hình. Các thay đổi đối với độ sáng của màn hình được thể hiện bằng biến thể màu đen và màu trắng, và thang màu xám đề cập đến khu vực trung gian giữa màu đen và màu trắng. Thay đổi thang màu xám thông qua điều chỉnh Gamma sẽ thay đổi độ sáng trung gian trên màn hình.

Tốc độ quét

Tốc độ quét, hay tốc độ làm mới, đề cập đến tần số làm mới của màn hình. Dữ liệu màn hình được truyền khi được làm mới để hiển thị hình ảnh, mặc dù mắt thường không thể nhìn thấy việc làm mới. Số lần làm mới màn hình được gọi là tốc độ quét và được tính bằng Hz. Tốc độ làm mới bằng 60Hz nghĩa là màn hình được làm mới 60 lần mỗi giây. Tốc độ quét của màn hình phụ thuộc vào hiệu suất của card đồ họa trên máy tính và màn hình của bạn.

Tần số quét ngang

Nhân vật hoặc hình ảnh hiển thị trên màn hình bao gồm rất nhiều chấm (điểm ảnh). Điểm ảnh được truyền theo dòng ngang, sau đó được sắp xếp theo chiều dọc để tạo thành hình ảnh. Tần số ngang được tính bằng kHz và biểu thị số lần các dòng ngang được truyền và hiển thị mỗi giây trên màn hình. Tần số ngang bằng 85 nghĩa là số dòng ngang tạo thành một hình ảnh được truyền 85 000 lần mỗi giây và tần số ngang được biểu thị bằng 85kHz.

Tần số quét dọc

Một hình ảnh được tạo thành từ rất nhiều các dòng ngang. Tần số dọc được tính bằng Hz và biểu thị số lượng hình ảnh có thể tạo được mỗi giây bởi các dòng ngang đó. Tần số dọc bằng 60 nghĩa là một hình ảnh được truyền 60 lần mỗi giây. Tần số dọc cũng được gọi là "tốc độ làm mới" và ảnh hưởng đến độ nhấp nháy màn hình.

Độ phân giải

Độ phân giải là số lượng điểm ảnh ngang và điểm ảnh dọc tạo thành màn hình. Nó biểu thị mức độ chi tiết của màn hình hiển thị.

Độ phân giải cao hơn hiển thị nhiều thông tin hơn trên màn hình và phù hợp để thực hiện nhiều tác vụ cùng một lúc.

Ví dụ: Độ phân giải 1920 x 1080 bao gồm 1.920 điểm ảnh ngang (tần số ngang) và 1.080 dòng dọc (độ phân giải dọc).

Cắm và Chạy

Tính năng Plug & Play cho phép tự động trao đổi thông tin giữa màn hình và máy tính để tạo ra môi trường hiển thị tối ưu.

Màn hình sử dụng VESA DDC (tiêu chuẩn quốc tế) để chạy chức năng Cắm và Chạy.

Chỉ mục

B

Bản quyền *2*

Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn *91*

Bậttắt Bộ tắt hẹn giờ *70*

C

Các bộ phận *20*

Các lưu ý về an toàn *5*

Các yêu cầu trước khi liên hệ với Trung tâm dịch vụ khách hàng của Samsung *83*

Cài đặt *24*

Cài đặt Bộ tắt hẹn giờ *71*

Cài đặt lại *68*

Cấu hình Brightness trên Màn hình khởi động *78*

Coarse *57*

Đ

Đỏ *60*

Độ sáng *52*

Độ sắc nt *54*

Độ tương phản *53*

Độ trong suốt của trình đơn *77*

G

Gamma *64*

H

Hỏi & Đáp *86*

K

Kết nối để Sử dụng "Windows Embedded Standard 7" *29*

Kết nối và sử dụng PC *44*

Kiểm tra các thành phần *18*

Kích thước Hình ảnh *66*

L

Làm sạch *3*

Liên hệ SAMSUNG WORLDWIDE *95*

M

MagicRMS Pro *82*

Máy khách Windows Embedded Standard 7 là gì *28*

Màu sắc *79*

Mịn *58*

MultiScreen *80*

N

Ngôn ngữ *69*

P

PC/AV Mode *72*

Phím Tùy chỉnh *74*

S

SAMSUNG MAGIC Angle *56*

SAMSUNG MAGIC Bright *55*

SAMSUNG MAGIC Color *59*

Sử dụng Windows Embedded Standard 7 *32*

T

Thống số chung *88*

Thời gian hiển thị *76*

Thời gian lặp phím *73*

Thuật ngữ *100*

Tông màu *63*

Trình tiết kiệm năng lượng *90*

Trước khi kết nối *43*

Tư thế đúng khi sử dụng sản phẩm *12*

Chỉ mục

Tự động tìm nguồn *75*
THÔNG TIN *78*

X

Xanh da trời *62*
Xanh lá cây *61*